

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

---



ISO 9001:2008

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Nguyễn Ngọc Uyên**

**Giảng viên hướng dẫn : ThS. Nguyễn Đức Kiên**

**HẢI PHÒNG - 2016**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ  
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH  
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI  
VĨNH THỊNH**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY  
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Nguyễn Ngọc Uyên  
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Nguyễn Đức Kiên**

**HẢI PHÒNG - 2016**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

Sinh viên: Nguyễn Ngọc Uyên

Mã SV: 1112401161

Lớp: QT1602K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần đầu tư thương mại Vĩnh Thịnh.

## MỤC LỤC

### MỤC LỤC

#### DANH MỤC BẢNG BIỂU

#### DANH MỤC SƠ ĐỒ

LỜI MỞ ĐẦU .....	1
CHƯƠNG I: LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG CÁC DOANH NGHIỆP .....	3
1.1.Nội dung của các chỉ tiêu cơ bản liên quan đến doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.....	3
1.2. Điều kiện ghi nhận doanh thu .....	4
1.3. Nguyên tắc kế toán doanh thu.....	5
1.4.Nhiệm vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. ....	6
1.5.Nội dung kế toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	7
1.5.1.Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	7
1.5.2.Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	10
1.5.3.Kế toán giá vốn hàng bán.....	12
1.5.4.Kế toán chi phí bán hàng và quản lí doanh nghiệp. ....	17
1.5.Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính. ....	20
1.6.Nội dung kế toán thu nhập, chi phí hoạt động khác.....	22
1.7.Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp. ....	24
1.8.Đặc điểm kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh theo các hình thức kế toán. ....	27
1.8.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung. ....	27
1.8.2. Hình thức kế toán Chứng Từ ghi Sổ. ....	28
1.8.3.Hình thức kế toán Nhật ký- Sổ Cái .....	29
1.8.4.Hình thức kế toán Nhật ký- Chứng từ.....	30
1.8.5.Hình thức kế toán máy vi tính.....	31
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VĨNH THỊNH.....	32

2.1. Đặc điểm chung ảnh hưởng đến công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần đầu tư thương mại Vĩnh Thịnh. ....	32
2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty cổ phần đầu tư thương mại Vĩnh Thịnh. ....	32
2.1.2. Đặc điểm hàng hóa, tổ chức kinh doanh tại Công ty cổ phần đầu tư thương mại Vĩnh Thịnh.....	33
2.1.3. Đối tượng và kì hạch toán doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần đầu tư thương mại Vĩnh Thịnh. ....	34
2.1.4. Đặc điểm bộ máy tổ chức quản lí tại Công ty cổ phần đầu tư thương mại Vĩnh Thịnh. ....	34
2.1.5. Đặc điểm bộ máy kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại Công ty cổ phần đầu tư thương mại Vĩnh Thịnh. ....	35
2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu,chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần đầu tư thương mại Vĩnh Thịnh. ....	38
2.2.1. Nội dung hạch toán doanh thu, chi phí hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty cổ phần đầu tư thương mại Vĩnh Thịnh. ....	38
2.2.2. Nội dung hạch toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại Công ty cổ phần đầu tư thương mại Vĩnh Thịnh.....	65
2.2.3. Nội dung hạch toán thu nhập, chi phí hoạt động khác tại Công ty cổ phần đầu tư thương mại Vĩnh Thịnh.....	69
2.2.4. Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần đầu tư thương mại Vĩnh Thịnh. ....	69
<b>CHƯƠNG 3: MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU,CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI VĨNH THỊNH .....</b>	<b>80</b>
3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả nói riêng tại Công ty cổ phần đầu tư thương mại Vĩnh Thịnh. ....	80
3.1.1 Ưu điểm.....	80
3.1.2. Hạn chế.....	82
3.2. Tính thiết yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh. ....	82

3.3. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần đầu tư thương mại Vĩnh Thịnh.....	83
3.4. Nội dung giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần đầu tư thương mại Vĩnh Thịnh. ....	84
3.4.1. Kiến nghị 1: Về chính sách áp dụng trong bán hàng.....	84
3.4.2. Kiến nghị 2: Về hạch toán chi tiết doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh. ....	87
3.4.3. Kiến nghị 3: Về quy trình luân chuyển chứng từ.....	92
3.4.4. Kiến nghị 4: Về ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kế toán ...	93
3.5. Điều kiện để thực hiện các giải pháp .....	95
3.5.1. Về phía nhà nước .....	95
3.5.2. Về phía doanh nghiệp.....	96
KẾT LUẬN .....	97
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	98

## DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 2.1. Một số chỉ tiêu tài chính tại Công ty cổ phần đầu tư thương mại Vĩnh Thịnh. ....	33
Biểu số 2.1: Bảng xác định khối lượng hàng hóa cung cấp.....	39
Biểu số 2.2: Hóa Đơn Giá Trị Gia Tăng Số 0000236.....	40
Biểu số 2.3: Hóa Đơn Giá Trị Gia Tăng Số 000238.....	41
Biểu số 2.4: Phiếu thu số 221.....	42
Biểu số 2.5: Hóa đơn giá trị gia tăng số 00000239.....	43
Biểu số 2.6: Giấy báo có ngân hàng BIDV.....	44
Biểu số 2.7: Sổ nhật kí chung tháng 12/2015.....	45
Biểu số 2.8: Sổ cái TK 511 tháng 12/2015.....	46
Biểu số 2.9: Phiếu xuất kho số 43.....	48
Biểu số 2.10: Sổ chi tiết vật liệu, sản phẩm, hàng hóa tháng 12 năm 2015.....	49
Biểu số 2.11: Phiếu xuất kho số 44.....	50
Biểu số 2.12: Phiếu xuất kho số 45.....	51
Biểu số 2.13: Sổ nhật kí chung tháng 12/2015.....	52
Biểu số 2.14:Sổ cái tài khoản 632 tháng 12 /2015.....	53
Biểu số 2.15: Bảng phân bổ lương và bảo hiểm XH tháng 12/2015.....	55
Biểu số 2.16: Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ.....	56
Biểu số 2.17: Hóa Đơn Giá Trị Gia Tăng Số 0000489.....	57
Biểu số 2.18: Phiếu chi số 304.....	58
Biểu số 2.19: Hoá đơn GTGT số 0002180 của Điện lực Hải Phòng ngày.....	59
Biểu số 2.20 : Phiếu chi số 302.....	60
Biểu số 2.21: Sổ nhật kí chung tháng 12/2015.....	61
Biểu số 2.22: Sổ cái TK 641 tháng 12/2015.....	63
Biểu số 2.23: Sổ cái TK 642 tháng 12/2015.....	64
Biểu số 2.24: Giấy báo có ngân hàng BIDV.....	66
Biểu số 2.25: Phiếu kế toán số 32.....	66
Biểu số 2.26: Sổ nhật kí chung tháng 12/2015.....	67
Biểu số 2.27: Sổ cái TK 515 Tháng 12/2015.....	68
Biểu số 2.28: Phiếu kế toán số 25.....	69
Biểu số 2.29: Phiếu kế toán số 26.....	70
Biểu số 2.30: Phiếu kế toán số 27.....	70
Biểu số 2.31: Phiếu kế toán số 28.....	71

Biểu số 2.32: Phiếu kê toán số 29 .....	71
Biểu số 2.33: Sổ nhật kí chung tháng 12/2015 .....	72
Biểu số 2.39: Sổ cái TK 911 tháng 12/2015 .....	74
Biểu số 2.40: Sổ cái TK 421 tháng 12/2015 .....	75
Biểu số 2.41: Sổ cái TK 821 tháng 12/2015 .....	76
Biểu số 2.42: Bảng cân đối số phát sinh năm 2015 .....	77
Biểu số 2.43: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh .....	78
Biểu số 3.1: Sổ Chi Tiết Bán Hàng .....	89
Biểu số 3.2: Sổ chi phí sản xuất kinh doanh .....	90
Biểu số 3.3: Sổ Chi Tiết Bán Hàng .....	91
Biểu số 3.4: Sổ chi phí sản xuất kinh doanh .....	92
Biểu số 3.5: Phiếu giao nhận chứng từ .....	93



## DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Trình tự hạch toán Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ.....	10
Sơ đồ 1.2: Trình tự hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	12
Sơ đồ 1.3: Trình tự hạch toán giá vốn hàng xuất theo phương pháp kê khai thường xuyên.....	15
Sơ đồ 1.4: Trình tự hạch toán giá vốn hàng xuất theo phương pháp kiểm kê định kì.....	16
Sơ đồ 1.5: Trình tự hạch toán chi phí bán hàng.....	19
Sơ đồ 1.6: Trình tự hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp.....	20
Sơ đồ 1.7: Trình tự hạch toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính.....	22
Sơ đồ 1.8: Trình tự hạch toán thu nhập khác và chi phí khác.....	24
Sơ đồ 1.9: Trình tự hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp.....	26
Sơ đồ 1.10: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu – chi phí theo hình thức kế toán Nhật ký chung.....	27
Sơ đồ 1.11: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu – chi phí theo hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.....	28
Sơ đồ 1.12: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu – chi phí theo hình thức kế toán Nhật ký-Sổ cái.....	29
Sơ đồ 1.13: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu – chi phí theo hình thức kế toán Nhật ký – chứng từ.....	30
Sơ đồ 1.14: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu – chi phí theo hình thức kế toán Máy vi tính.....	31
Sơ đồ 2.1: Sơ Đồ Bộ Máy Tổ Chức Tại Công Ty.....	34
Sơ đồ 2.2: Mô Hình Tổ Chức Bộ Máy Kế Toán.....	35
Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ theo hình thức Nhật Ký Chung tại công ty cổ phần đầu tư thương mại Vĩnh Thịnh.....	37
Sơ đồ 3.1: Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	86
Hình 3.1 Giao diện hoạt động phần mềm kế toán máy MISA SME.NET.....	94
Hình 3.2: Giao diện hoạt động phần mềm kế toán máy FAST.....	95

## LỜI MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, bất cứ doanh nghiệp nào khi kinh doanh cũng mong muốn lợi nhuận đạt được là tối đa, để có lợi nhuận thì doanh nghiệp phải có mức doanh thu hợp lí, phần lớn trong các doanh nghiệp thương mại dịch vụ thì doanh thu đạt được chủ yếu là do quá trình tiêu thụ hàng hoá, sản phẩm, dịch vụ. Các doanh nghiệp luôn hướng tới mục tiêu tối đa hóa doanh thu – tối thiểu hóa chi phí. Nhưng để làm được điều đó, các doanh nghiệp phải luôn cố gắng trong quá trình quản lý, tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh. Do đó việc thực hiện hệ thống kế toán về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc xác định hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

Nhận thấy được tầm quan trọng của hệ thống kế toán nói chung và bộ phận kế toán về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng trong việc đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, trong thời gian thực tập tại Công ty cổ phần đầu tư thương mại Vĩnh Thịnh em đã đi sâu nghiên cứu đề tài: “Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần đầu tư thương mại Vĩnh Thịnh”

### 2. Mục đích nghiên cứu của đề tài

- Tìm hiểu cơ sở lý luận chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp thương mại.
- Mô tả và phân tích được thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần đầu tư thương mại Vĩnh Thịnh.
- Từ đó đưa ra một số kiến nghị nhằm góp phần hoàn thiện hệ thống kế toán về xác định kết quả kinh doanh để hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp ngày càng có hiệu quả .

### **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài**

- *Đối tượng nghiên cứu:* Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần đầu tư thương mại Vĩnh Thịnh.

- *Phạm vi nghiên cứu:* Tại Công ty cổ phần đầu tư thương mại Vĩnh Thịnh năm 2015.

### **4. Phương pháp nghiên cứu**

- Các phương pháp kế toán.
- Phương pháp thống kê và so sánh.
- Phương pháp nghiên cứu tài liệu

### **5. Kết cấu của khóa luận**

Ngoài lời mở đầu và kết luận, kết cấu của đề tài gồm 3 phần nội dung như sau:

Chương 1: Lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Chương 2: Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần đầu tư thương mại Vĩnh Thịnh.

Chương 3: Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần đầu tư thương mại Vĩnh Thịnh.

# CHƯƠNG I

## LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG CÁC DOANH NGHIỆP

### 1.1. Nội dung của các chỉ tiêu cơ bản liên quan đến doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

- Bán hàng: Bán hàng là một quá trình trong đó người bán tìm hiểu, khám phá, gọi tạo và đáp ứng nhu cầu của người mua, để cả hai bên nhận được quyền lợi thỏa đáng.

- Sản phẩm tiêu thụ: là thực hiện mục đích của sản xuất hàng hoá, là đưa sản phẩm từ nơi sản xuất tới nơi tiêu dùng. Nó là khâu lưu thông hàng hoá, là cầu nối trung gian giữa một bên là sản xuất và phân phối và một bên là tiêu dùng.

- Sản phẩm sản xuất: là sản phẩm tự làm ra để sử dụng, hay để trao đổi trong thương mại.

- Doanh thu:

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Các loại doanh thu:

➤ *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng là toàn bộ số tiền thu được, hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa do doanh nghiệp sản xuất ra hoặc do doanh nghiệp mua về.

➤ *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ là thực hiện công việc đã thỏa thuận theo hợp đồng trong 1 hoặc nhiều kỳ kế toán.

Doanh thu của việc giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định 1 cách tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

➤ Doanh thu thuần

Là tổng các khoản thu nhập mang lại từ doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (511), doanh thu nội bộ (512) sau khi đã trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm: Thuế TTĐB, thuế XK, chiết khấu thương mại và thuế GTGT đầu ra phải nộp đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

• Thời điểm ghi nhận doanh thu:

Thời điểm xác định doanh thu để tính thu nhập chịu thuế được xác định như sau:

- Đối với cung ứng dịch vụ là thời điểm hoàn thành việc cung ứng dịch vụ cho người mua hoặc hoàn thành từng phần việc cung ứng dịch vụ cho người mua trừ trường hợp nêu tại khoản 3 điều 5 thông tư 78/2014/TT-BTC, khoản 1 điều 6 thông tư 119/2014 TT-BTC.

- Trường hợp thời điểm lập hoá đơn xảy ra trước thời điểm dịch vụ hoàn thành thì thời điểm xác định doanh thu được tính theo thời điểm lập hoá đơn.

- Đối với hoạt động bán hàng hoá là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu, quyền sử dụng hàng hoá cho người mua.

- Các hoạt động kinh doanh và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

- Hoạt động tài chính: là các hoạt động đầu tư tài chính ngắn hạn hoặc dài hạn với mục đích sinh lời.

- Hoạt động khác: là hoạt động xảy ra ngoài dự kiến của doanh nghiệp.

- Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động tài chính và hoạt động khác.

- Hoạt động sản xuất kinh doanh: là hoạt động sản xuất, tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm.

- Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp: là kết quả hoạt động tiêu thụ sản phẩm hàng hóa, lao vụ, dịch vụ và hoạt động tài chính được biểu hiện qua chỉ tiêu lợi nhuận thuần về hoạt động kinh doanh.

## 1.2. Điều kiện ghi nhận doanh thu

Theo chuẩn mực kế toán số 14: “doanh thu và thu nhập khác” ban hành và công bố theo quyết định 149/2001/QĐ – BTC ban hành ngày 31/12/2001.

✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn 5 điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá cho người mua.

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
  - Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá.
  - Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
  - Xác định được chi phí liên quan đến việc bán hàng.
- ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả 4 điều kiện sau :
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
  - Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
  - Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối.
  - Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch.
- ✓ Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả 2 điều kiện sau:
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó
  - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

### **1.3. Nguyên tắc kế toán doanh thu**

- Doanh thu được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.
- Doanh thu chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện ghi nhận cho doanh thu bán hàng, doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính được quy định tại chuẩn mực “Doanh thu và thu nhập khác” ;nếu không thỏa mãn các điều kiện ghi nhận doanh thu thì không hạch toán vào doanh thu.
- Doanh thu và chi phí liên quan đến cùng một giao dịch phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp và theo năm tài chính.
- Giá trị hợp lý: Là giá trị tài sản có thể trao đổi hoặc giá trị một khoản nợ được thanh toán một cách tự nguyện giữa các bên có đầy đủ hiểu biết trong sự trao đổi ngang giá.
- Với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thì doanh thu là giá bán chưa có thuế GTGT.

- Với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ không thuộc diện chịu thuế GTGT, hoặc chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu là tổng giá thanh toán (giá bán có thuế GTGT).

- Với hàng hoá nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì doanh thu là phần hoa hồng mà doanh nghiệp được hưởng.

- Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh thu bán hàng là giá bán trả tiền ngay và doanh thu chưa thực hiện là phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định.

- Với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu thì doanh thu là tổng giá thanh toán (giá bán bao gồm cả thuế TTĐB và thuế xuất khẩu).

- Doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hoá thì chỉ phản ánh vào doanh thu số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

#### **1.4. Nhiệm vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.**

Để đáp ứng các yêu cầu quản lý về thành phẩm, hàng hóa, bán hàng và xác định kết quả và phân phối kết quả của các hoạt động. Kế toán phải thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Phản ánh ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác tình hình hiện có và sự biến động của từng loại sản phẩm, hàng hóa theo chỉ tiêu số lượng, chủng loại, và giá trị.

- Phản ánh chính xác kết quả của từng hoạt động, giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với nhà nước và tình hình phân phối kết quả các hoạt động

- Xác định đúng kết quả kinh doanh để cung cấp số liệu cho các bên liên quan, thu hút vốn đầu tư cho doanh nghiệp, giữ vững uy tín cho doanh nghiệp trong mối quan hệ bên trong và bên ngoài doanh nghiệp.

- Phản ánh ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác các khoản phải thu, các khoản giảm trừ doanh thu, chi phí của từng hoạt động trong doanh nghiệp. Đồng thời theo dõi đôn đốc các khoản phải thu.

- Cung cấp các thông tin kế toán phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính, định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến quá trình về doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

## 1.5. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.

### 1.5.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

- Các phương thức tiêu hàng chủ yếu trong các doanh nghiệp

#### ✓ *Phương thức bán hàng trực tiếp cho khách hàng:*

Là phương thức giao hàng cho người mua trực tiếp tại kho, tại các phân xưởng sản xuất (không qua kho) của doanh nghiệp. Sản phẩm khi bàn giao cho khách hàng được chính thức coi là tiêu thụ và đơn vị mất quyền sở hữu về số hàng này.

#### ✓ *Phương thức gửi hàng cho khách hàng:*

Là phương thức bên bán gửi hàng đi cho khách hàng theo các điều kiện của hợp đồng kinh tế đã ký kết. Số hàng gửi đi vẫn thuộc quyền kiểm soát của bên bán, khi khách hàng thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán thì lợi ích và rủi ro được chuyển giao toàn bộ cho người mua, giá trị hàng hóa đã được thực hiện và là thời điểm bên bán được ghi nhận doanh thu bán hàng.

#### ✓ *Phương thức hàng đổi hàng:*

Là phương thức sản xuất sản phẩm, hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ đổi lấy vật tư, hàng hóa, TSCĐ không tương tự để sử dụng cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, kế toán phản ánh doanh thu bán hàng để đổi lấy vật tư, hàng hóa, TSCĐ khác theo giá bán chưa có thuế GTGT.

#### ✓ *Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp:*

Theo phương thức này, khi giao hàng cho người mua, thì lượng hàng chuyển giao được coi là tiêu thụ, người mua sẽ thanh toán lần đầu ngay tại thời điểm mua một phần. Số tiền còn lại người mua sẽ trả dần và phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định. Thông thường số tiền trả ở các kỳ bằng nhau, trong đó bao gồm một phần doanh thu gốc và một phần lãi suất trả chậm.

#### ✓ *Phương thức gửi đại lý, ký gửi bán đúng giá hưởng hoa hồng*



Là phương thức mà bên chủ hàng (gọi là bên giao đại lý) xuất hàng giao cho bên nhận đại lý, ký gửi (gọi là bên đại lý) để bán. Bên đại lý sẽ được hưởng thù lao dưới hình thức hoa hồng hoặc chênh lệch giá.

✓ *Phương thức tiêu thụ nội bộ:*

Là việc mua – bán sản phẩm, hàng hóa, lao vụ dịch vụ giữa đơn vị chính và đơn vị trực thuộc với nhau trong cùng một công ty, tổng công ty, tập đoàn, liên hiệp xí nghiệp... Ngoài ra, được coi là tiêu thụ nội bộ còn bao gồm các khoản sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ xuất, biểu, tặng, trả lương, trả thưởng, xuất dùng cho hoạt động kinh doanh.

• Chứng từ và tài khoản sử dụng

✓ *Chứng từ sử dụng*

- Hóa đơn GTGT đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

- Hóa đơn bán hàng đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

- Phiếu xuất kho hàng gửi đại lý bán.

- Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ.

- Bảng thanh toán hàng đại lý, ký gửi.

- Báo cáo bán hàng, bảng kê bán lẻ hàng hóa.

- Các chứng từ thanh toán (Phiếu thu, séc, báo có NH, bảng sao kê của NH ...).

- Chứng từ kế toán liên quan khác như : hóa đơn vận chuyển, bóc dỡ.....

✓ *Tài khoản sử dụng : TK511*

*TK511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

Tài khoản này sử dụng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động SXKD.

TK511 có 6 TK cấp 2

- TK 5111 – Doanh thu bán hàng hóa : Được sử dụng chủ yếu cho các doanh nghiệp kinh doanh hàng hóa, vật tư

- TK 5112 – Doanh thu bán thành phẩm : Được sử dụng cho các doanh nghiệp sản xuất vật chất như : công nghệ, xây lắp, ngư nghiệp, lâm nghiệp.

- TK 5113 – Doanh thu cung cấp dịch vụ : Được sử dụng trong các ngành kinh doanh như : giao thông vận tải, bưu điện, du lịch, dịch vụ công cộng, dịch vụ khoa học kỹ thuật.

- TK 5114 – Doanh thu trợ cấp, trợ giá : được dùng để phản ánh các khoản thu từ trợ cấp, trợ giá của nhà nước khi doanh nghiệp thực hiện các nhiệm vụ cung cấp hàng hóa theo yêu cầu của Nhà nước.

- TK 5117 – doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư

- TK 5118 – Doanh thu khác

*Kết cấu và nội dung phản ánh TK511*

#### **Bên nợ:**

- Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp tính theo phương pháp trực tiếp.

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán.

- Doanh thu hàng bán bị trả lại kết chuyển cuối kỳ.

- Giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ.

- Chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ.

- Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911.

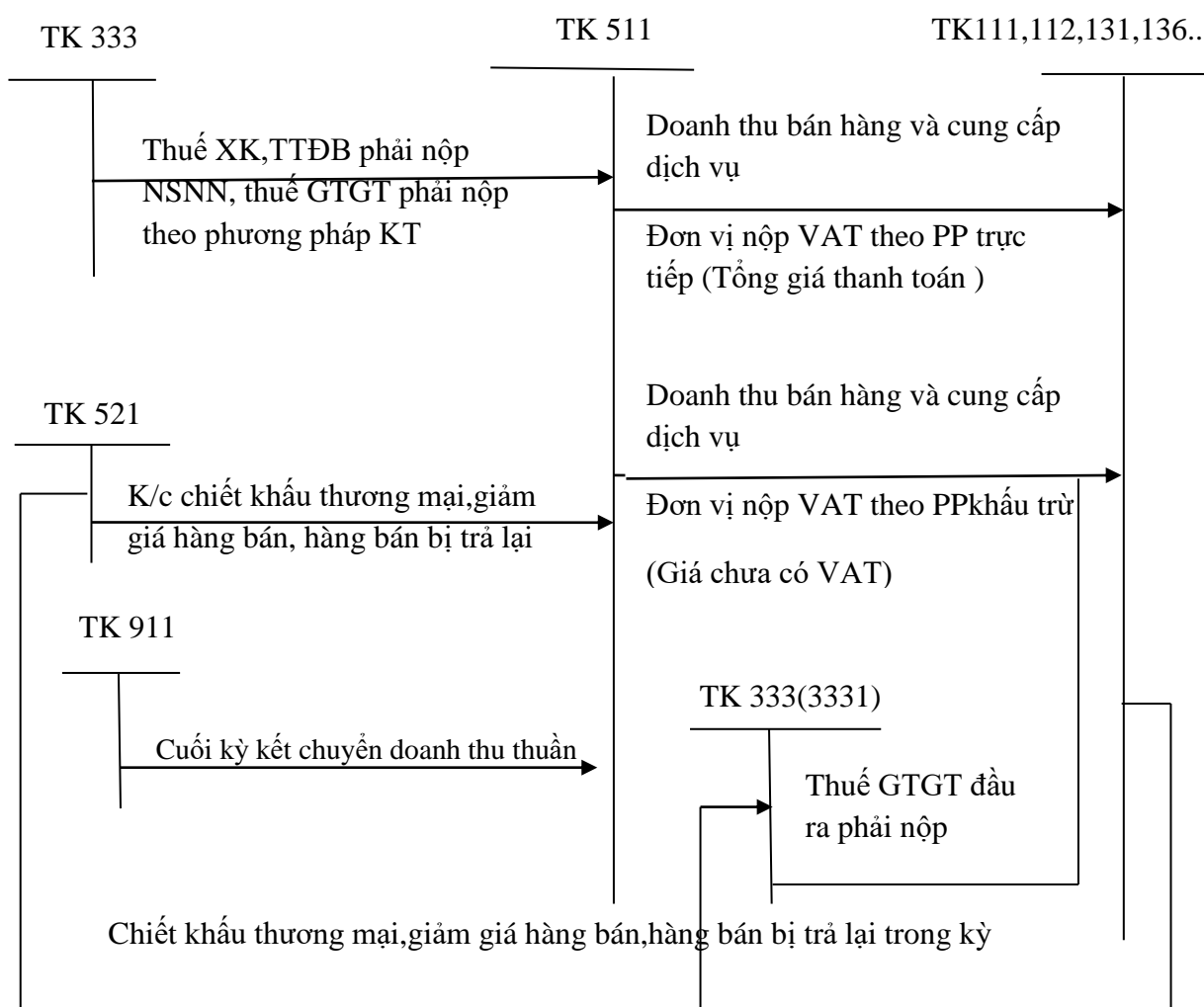
#### **Bên có:**

- Doanh thu bán sản phẩm hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

*Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ.*

• Phương pháp hạch toán

Hạch toán Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ , doanh thu nội bộ được thể hiện qua sơ đồ sau:



**Sơ đồ 1.1: Trình tự hạch toán Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ**

### 1.5.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

- Chứng từ và tài khoản sử dụng

- ✓ *Chứng từ sử dụng*

- Phiếu thu, phiếu chi, hoá đơn GTGT.
- Phiếu xuất kho, phiếu nhập kho
- Chứng từ khác có liên quan.
- Các sổ chi tiết liên quan.

- ✓ *Tài khoản sử dụng: 521, 3332, 3333, 3331 theo phương pháp trực tiếp.*

*Tài khoản 521: Các khoản giảm trừ doanh thu.*

Tài khoản này được sử dụng để phản ánh toàn bộ số tiền giảm trừ cho người mua hàng được tính giảm trừ vào doanh thu hoạt động kinh doanh: chiết khấu

thương mại, giá trị hàng bán bị trả lại, và các khoản giảm giá hàng bán cho người mua trong kỳ.

TK 521 được chi tiết thành 3 tài khoản cấp 2:

TK5211: Chiết khấu thương mại.

TK5212: Hàng bán bị trả lại.

TK5213: Giảm giá hàng bán.

**Bên nợ:**

- Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.

**Bên có:**

- Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang tài khoản 511 để xác định doanh thu thuần kỳ báo cáo.

Tài khoản 521 không có số dư

Tài khoản 333- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước, bao gồm:

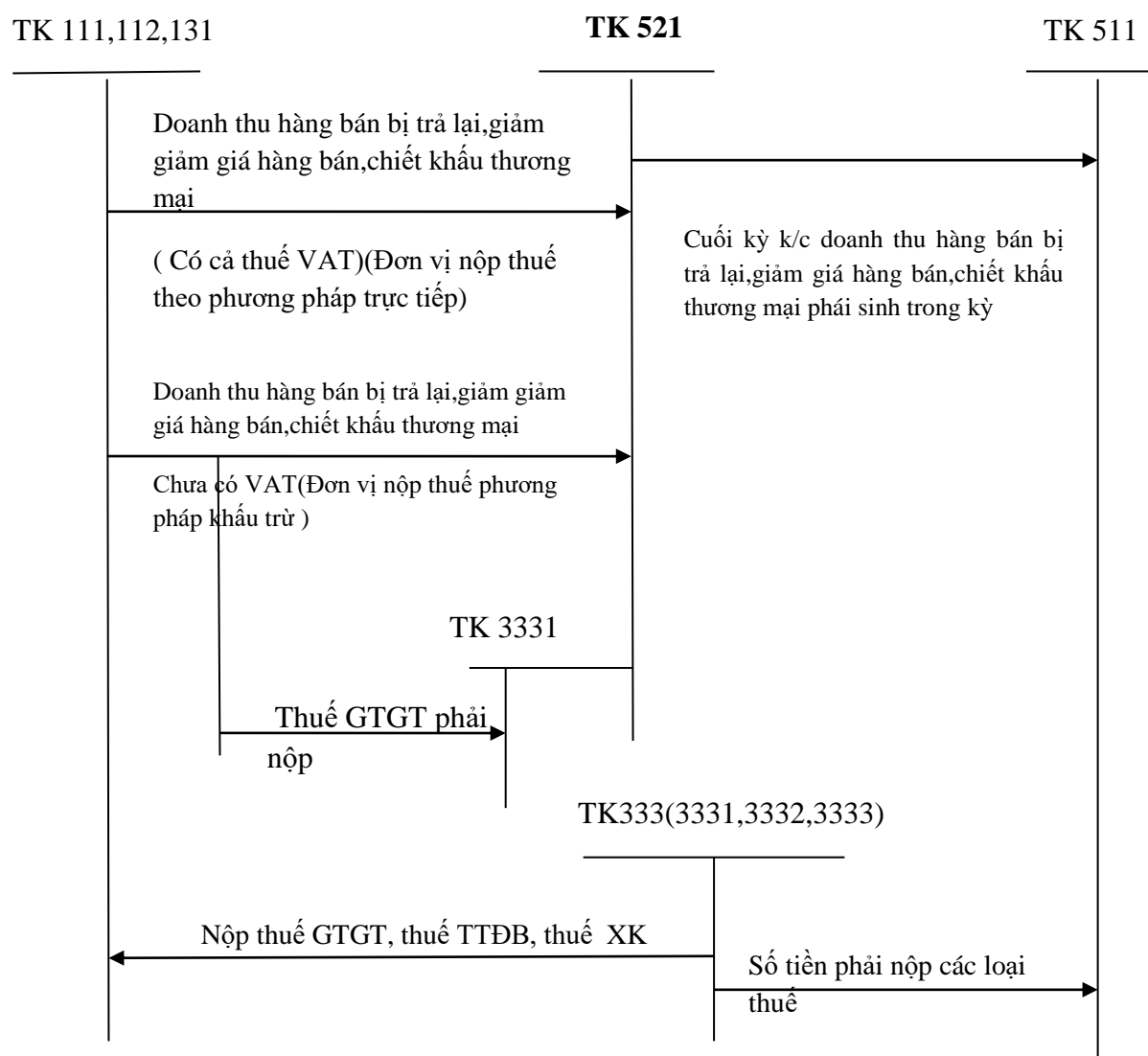
Tài khoản 3332: Thuế tiêu thụ đặc biệt.

Tài khoản 3333: Thuế xuất, nhập khẩu.

Tài khoản 3331: Thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp

- Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu được thể hiện qua sơ đồ sau:



### Sơ đồ 1.2: Trình tự hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu

#### 1.5.3. Kế toán giá vốn hàng bán

Sau khi xác định được giá trị vốn của hàng xuất kho để bán, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, kế toán cần phải xác định kết quả để cung cấp thông tin trình bày báo cáo tài chính ( Báo cáo kết quả kinh doanh). Tùy thuộc vào loại hình doanh nghiệp và sự vận động của sản phẩm, hàng hóa mà kế toán xác định giá vốn của hàng hóa đã bán.

Trị giá vốn của hàng đã bán = Trị giá vốn của hàng xuất đã bán + Chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp.

Các phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho

Để tính giá vốn hàng xuất kho, kế toán có thể áp dụng một trong ba phương pháp tính trị giá hàng xuất kho theo quy định theo thông tư 200/2014:

❖ *Phương pháp bình quân gia quyền*

Theo phương pháp này thì trị giá thực tế của hàng hoá, thành phẩm xuất kho được tính căn cứ vào số lượng hàng hoá, thành phẩm xuất kho và đơn giá bình quân gia quyền.

Giá đơn vị bình quân gia quyền cả kỳ:

$$\text{Giá đơn vị bình quân cả kỳ của hàng I} = \frac{\text{Giá thực tế hàng I tồn đầu kỳ} + \text{Giá thực tế hàng I nhập kho trong kỳ}}{\text{Lượng thực tế hàng I tồn đầu kỳ} + \text{Lượng thực tế hàng I nhập kho trong kỳ}}$$

Giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập (bình quân gia quyền liên hoàn):

$$\text{Giá đơn vị bình quân sau lần nhập } j \text{ của hàng I} = \frac{\text{Giá thực tế tồn kho sau lần nhập } j \text{ của hàng I}}{\text{Lượng thực tế tồn kho sau lần nhập } j \text{ của hàng I}}$$

❖ *Phương pháp thực tế đích danh.*

Theo phương pháp này, hàng hoá nhập kho theo giá nào thì được xuất kho theo giá đó. Hàng hoá được xác định theo đơn chiếc từng lô và giữ nguyên giá cho đến lúc bán (trừ trường hợp điều chỉnh).

Phương pháp này phản ánh chính xác giá trị của từng lô hàng hoá của mỗi lần nhập. Do đó những doanh nghiệp có nhiều mặt hàng, nhiều nghiệp vụ nhập xuất hàng hoá không nên áp dụng.

❖ *Phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO).*

Phương pháp này dựa trên giả định hàng nhập về trước sẽ được xuất trước, xuất hết số hàng nhập trước mới tính đến số hàng nhập sau theo giá mua thực tế của từng loại hàng (trong trường hợp này, số hàng tồn đầu kỳ sẽ được coi là lần nhập đầu tiên).

• Chứng từ và tài khoản sử dụng

✓ *Chứng từ sử dụng*

- Hoá đơn mua hàng, hoá đơn GTGT.

- Phiếu kế toán (nếu có) .
- Phiếu nhập kho, phiếu xuất kho.
- Sổ chi tiết và bảng tổng hợp vật liệu, dụng cụ, hàng hoá.
- ✓ *Tài khoản sử dụng: 632*

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (Đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ.

**Bên nợ:**

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kì.

**Bên có:**

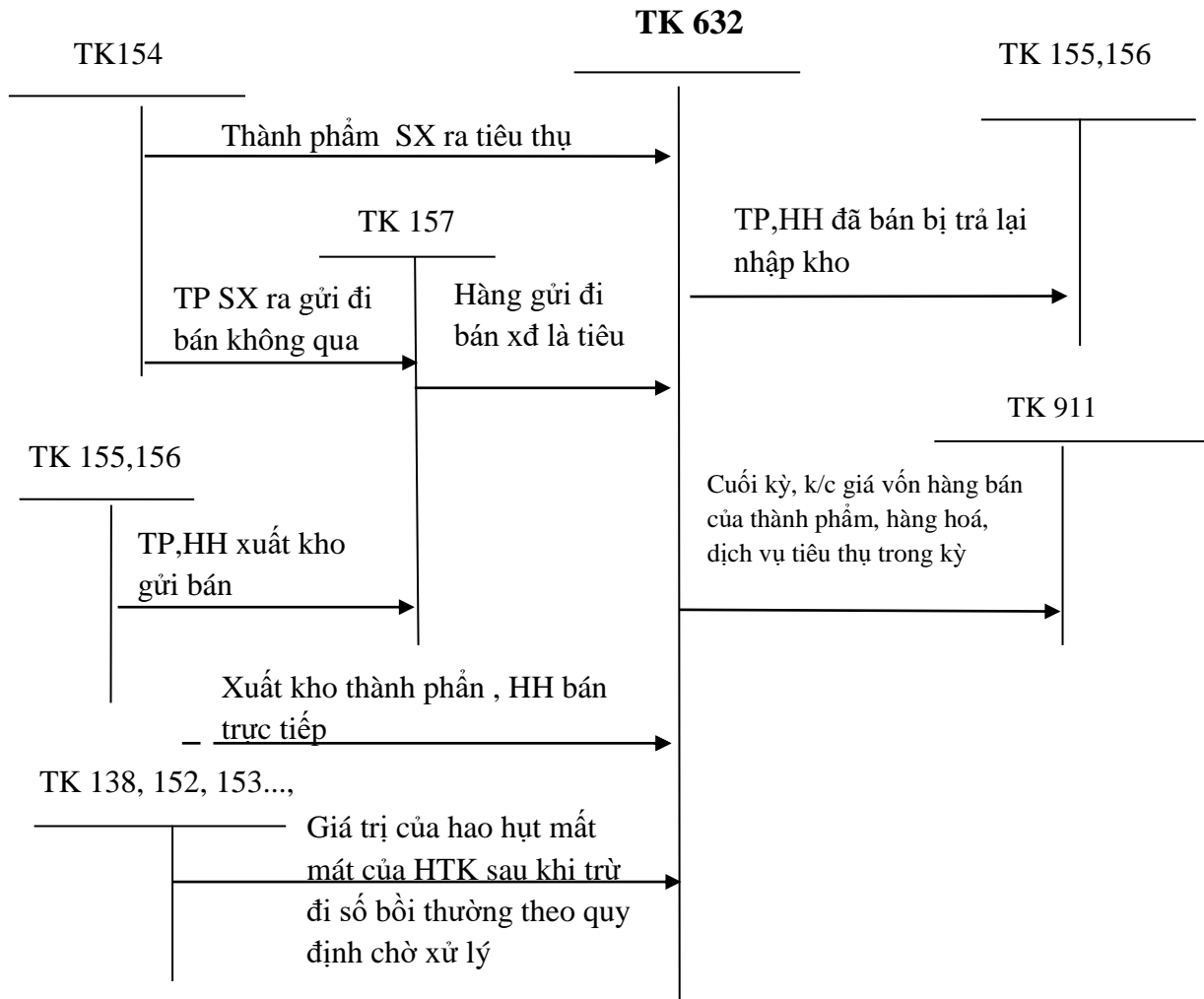
- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kì sang TK 911 xác định kết quả kinh doanh.

*Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.*

• Phương pháp hạch toán

- Đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

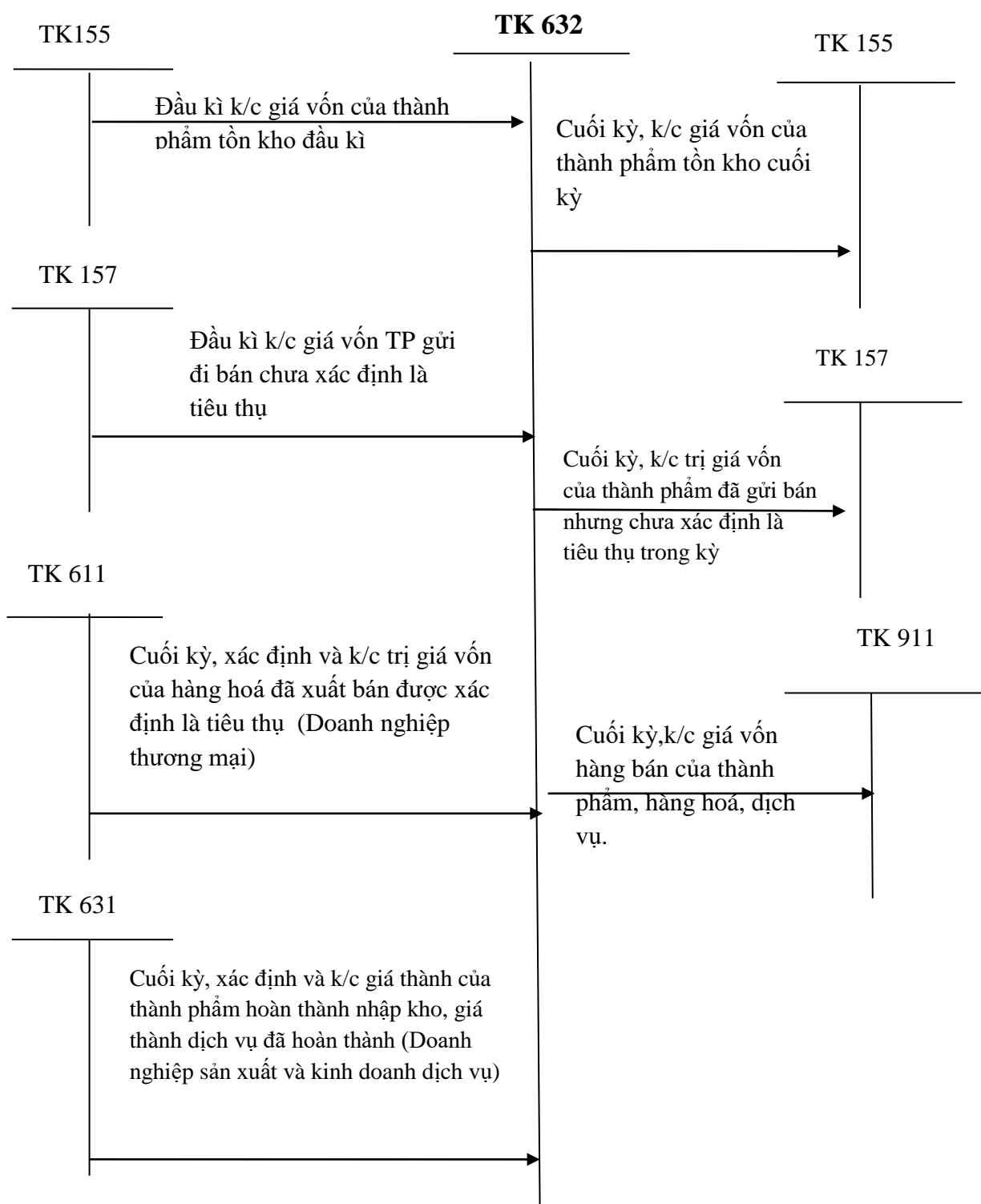
Hạch toán giá vốn hàng xuất theo phương pháp kê khai thường xuyên được thể hiện theo sơ đồ sau :



**Sơ đồ 1.3: Trình tự hạch toán giá vốn hàng xuất theo phương pháp kê khai thường xuyên.**



- Đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ (Doanh nghiệp sản xuất., Doanh nghiệp thương mại)



**Sơ đồ 1.4: Trình tự hạch toán giá vốn hàng xuất theo phương pháp kiểm kê định kỳ**

#### 1.5.4. Kế toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp.

- Chứng từ và tài khoản sử dụng
- ✓ *Chứng từ sử dụng*
  - Bảng tính và phân bổ tiền lương và BHXH.
  - Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ.
  - Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ.
  - Các chứng từ gốc có liên quan: Phiếu thu, phiếu chi,...
  - Sổ chi tiết liên quan.
- ✓ *Tài khoản sử dụng: 641, 642*
  - Tài khoản 641 - chi phí bán hàng

Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (Trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển.

Tài khoản 641 - có 7 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 6411 - Chi phí nhân viên
- Tài khoản 6412 - Chi phí vật liệu, bao bì
- Tài khoản 6413 - Chi phí dụng cụ, đồ dùng
- Tài khoản 6414 - Chi phí khấu hao TSCĐ
- Tài khoản 6415 - Chi phí bảo hành
- Tài khoản 6417 - Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Tài khoản 6418 - Chi phí bằng tiền khác

#### **Bên Nợ:**

Các chi phí phát sinh liên quan đến quá bán thụ sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

#### **Bên Có:**

- Kết chuyển chi phí bán hàng vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh” để tính kết quả kinh doanh trong kỳ.

*Tài khoản 641 không có số dư cuối kỳ.*

Tài khoản 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí quản lý kinh doanh bao gồm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Tài khoản 642 - có 8 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 6421 - Chi phí nhân viên quản lý
- Tài khoản 6422 - Chi phí vật liệu quản lý
- Tài khoản 6423 - Chi phí đồ dùng văn phòng
- Tài khoản 6424 - Chi phí khấu hao TSCĐ
- Tài khoản 6425 - Thuế, phí và lệ phí
- Tài khoản 6426 - Chi phí dự phòng
- Tài khoản 6427 - Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Tài khoản 6428 - Chi phí bằng tiền khác

**Bên Nợ:**

- Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ.
- Dự phòng trợ cấp mất việc làm.
- Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết).

**Bên Có:**

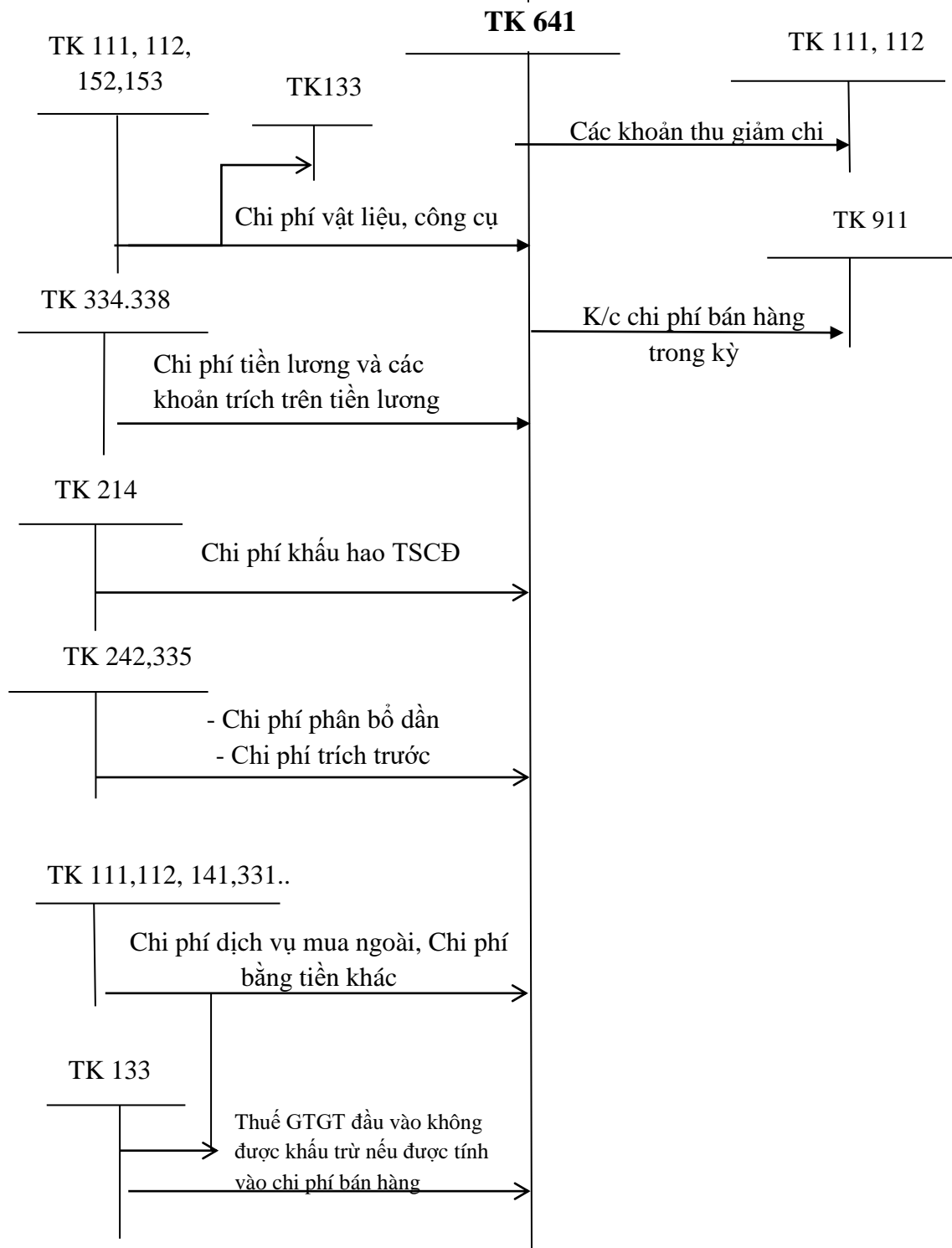
- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết).

- Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

*Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ.*

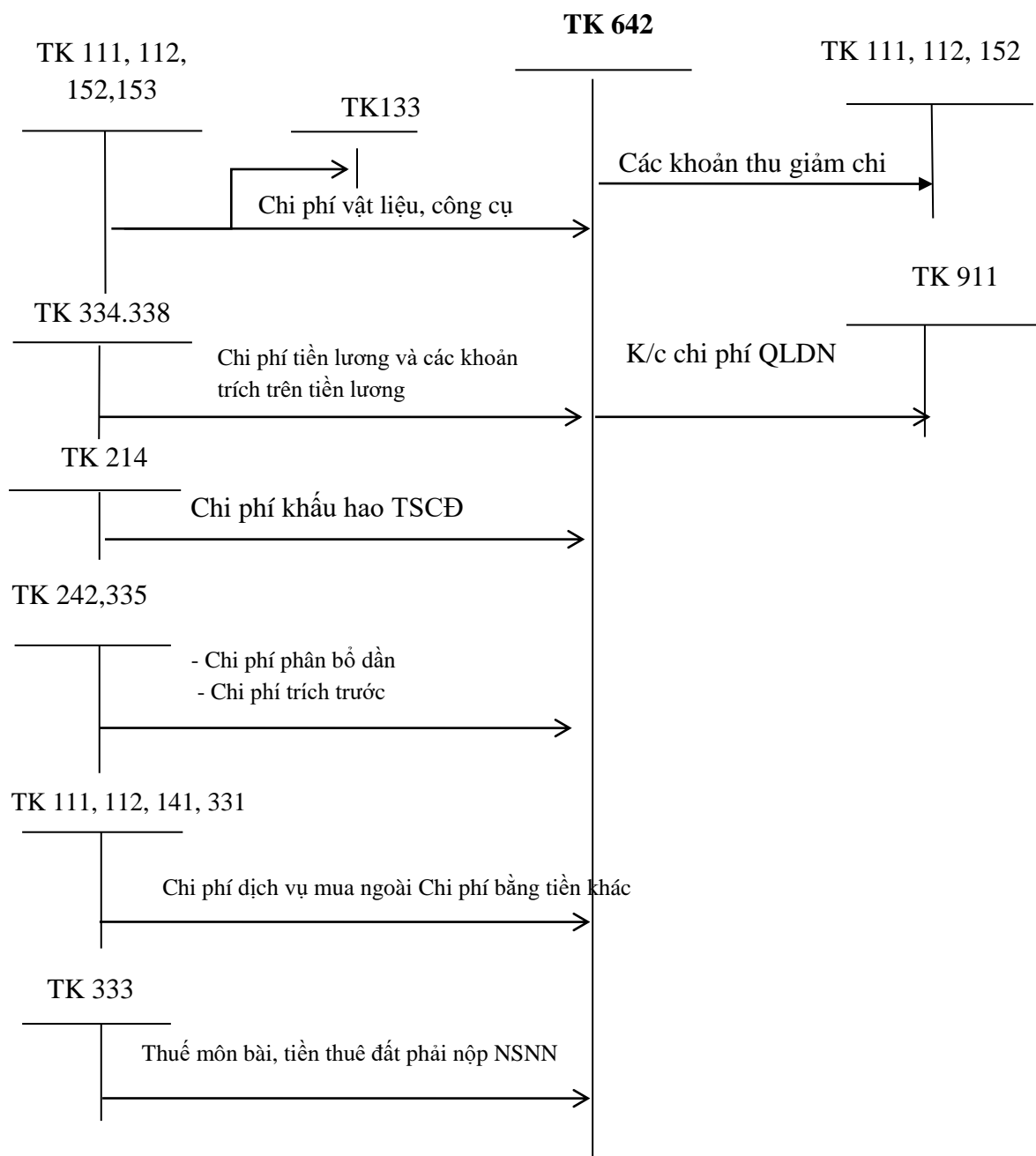
- Phương pháp hạch toán

Phương pháp kế toán các nghiệp vụ chủ yếu về chi phí bán hàng được thể hiện dưới sơ đồ sau:



**Sơ đồ 1.5: Trình tự hạch toán chi phí bán hàng**

- Phương pháp kế toán các nghiệp vụ chủ yếu về chi phí quản lý doanh nghiệp được thể hiện dưới sơ đồ sau:



### Sơ đồ 1.6: Trình tự hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp

#### 1.5. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính.

- Chứng từ và tài khoản sử dụng
  - ✓ Chứng từ sử dụng
    - Phiếu thu, phiếu chi, phiếu kế toán.
    - Giấy báo có, giấy báo nợ, ...
    - Sổ chi tiết liên quan.

- Các chứng từ liên quan khác.

✓ Tài khoản sử dụng: 515, 635

❖ Tài khoản 515- Doanh thu hoạt động tài chính.

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

**Bên nợ:**

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có)

- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính sang TK 911

**Bên có:**

- Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ: lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi bán trả chậm, lãi tỷ giá...

*TK 515 không có số dư cuối kỳ*

❖ Tài khoản 635- Chi phí hoạt động tài chính.

Tài khoản này dùng để phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết....

**Bên nợ:**

- Tập hợp chi phí hoạt động tài chính: chi phí đi vay, lỗ tỷ giá, chiết khấu thanh toán cho người mua.

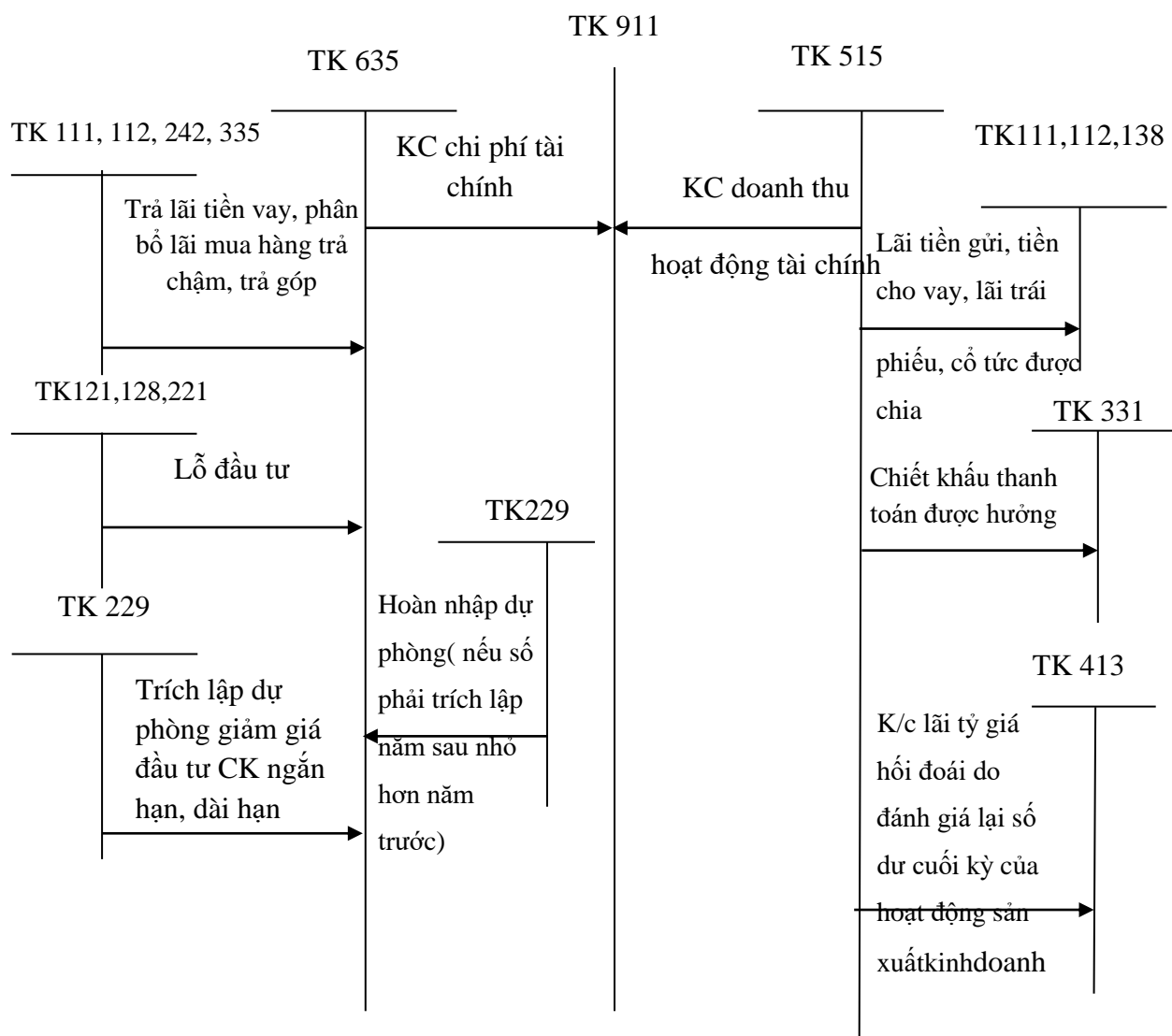
**Bên có:**

- Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính sang TK 911

*TK 635 không có số dư cuối kỳ*

• Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính được thể hiện qua sơ đồ sau:



### Sơ đồ 1.7: Trình tự hạch toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính

#### 1.6. Nội dung kế toán thu nhập, chi phí hoạt động khác

- Chứng từ và tài khoản sử dụng
- ✓ Chứng từ sử dụng
  - Hóa đơn GTGT
  - Phiếu thu, phiếu chi, ủy nhiệm thu, ủy nhiệm chi...
  - Hợp đồng kinh tế
  - Biên bản bàn giao, thanh lý TSCĐ

✓ Tài khoản sử dụng: 711, 811

❖ Tài khoản 711 - thu nhập khác: tài khoản này dùng để phản ánh các khoản doanh thu ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

**Bên nợ:**

- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác của doanh nghiệp nộp thuế theo phương pháp trực tiếp.

- Cuối kỳ kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh sang tài khoản 911.

**Bên có:**

- Các tài khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ

Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ.

❖ Tài khoản 811- Chi phí khác

Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp.

**Bên nợ:**

- Tập hợp chi phí khác phát sinh trong kỳ

**Bên có:**

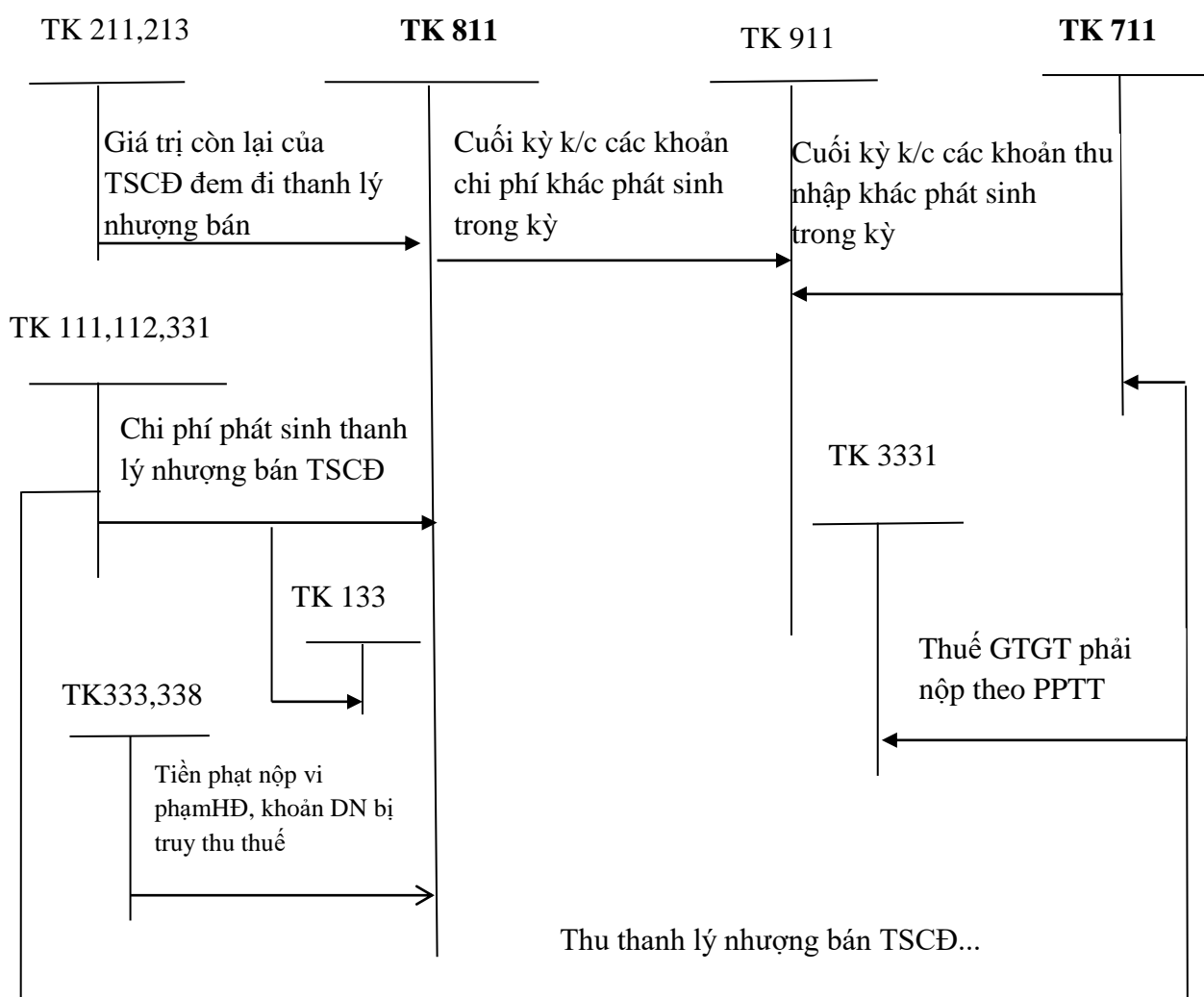
- Kết chuyển chi phí khác sang TK 911

TK 811 không có số dư cuối kỳ

• Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán thu nhập khác và chi phí khác được thể hiện qua sơ đồ sau:





### Sơ đồ 1.8: Trình tự hạch toán thu nhập khác và chi phí khác

#### 1.7. Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp.

##### ❖ Tài khoản 421- Lợi nhuận chưa phân phối

Tài khoản này dùng để phản ánh kết quả kinh doanh (lợi nhuận, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

TK421 gồm 2 TK cấp 2:

TK 4211- Lợi nhuận chưa phân phối năm trước.

TK 4212- Lợi nhuận chưa phân phối năm nay.

**Bên nợ:**

- Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
- Trích lập các quỹ trong doanh nghiệp.
- Bổ sung nguồn vốn kinh doanh.
- Chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, các nhà đầu tư, các bên tham gia góp vốn.
- Nộp lợi nhuận lên cấp trên.

**Bên có:**

- Số lỗ của cấp dưới nộp lên, số lỗ của cấp dưới được cấp trên cấp bù.
- Số lợi nhuận thực tế của hoạt động kinh doanh trong kỳ.
- Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh.

Cuối kì: Bên nợ: Số lỗ hoạt động kinh doanh chưa xử lý .

Bên có: Số lợi nhuận chưa phân phối .

**❖ Tài khoản 821- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

TK 821 gồm 2 TK cấp 2:

TK 8211- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

TK 8212- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

**Bên nợ:**

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm.
- Ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

**Bên có:**

- Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thực tế phải nộp trong năm.
- Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.
- Kết chuyển xác định kết quả kinh doanh.

*TK 821 không có số dư cuối kỳ*

**❖ Tài khoản 911- Xác định kết quả kinh doanh.**

Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm.

**Bên nợ:**

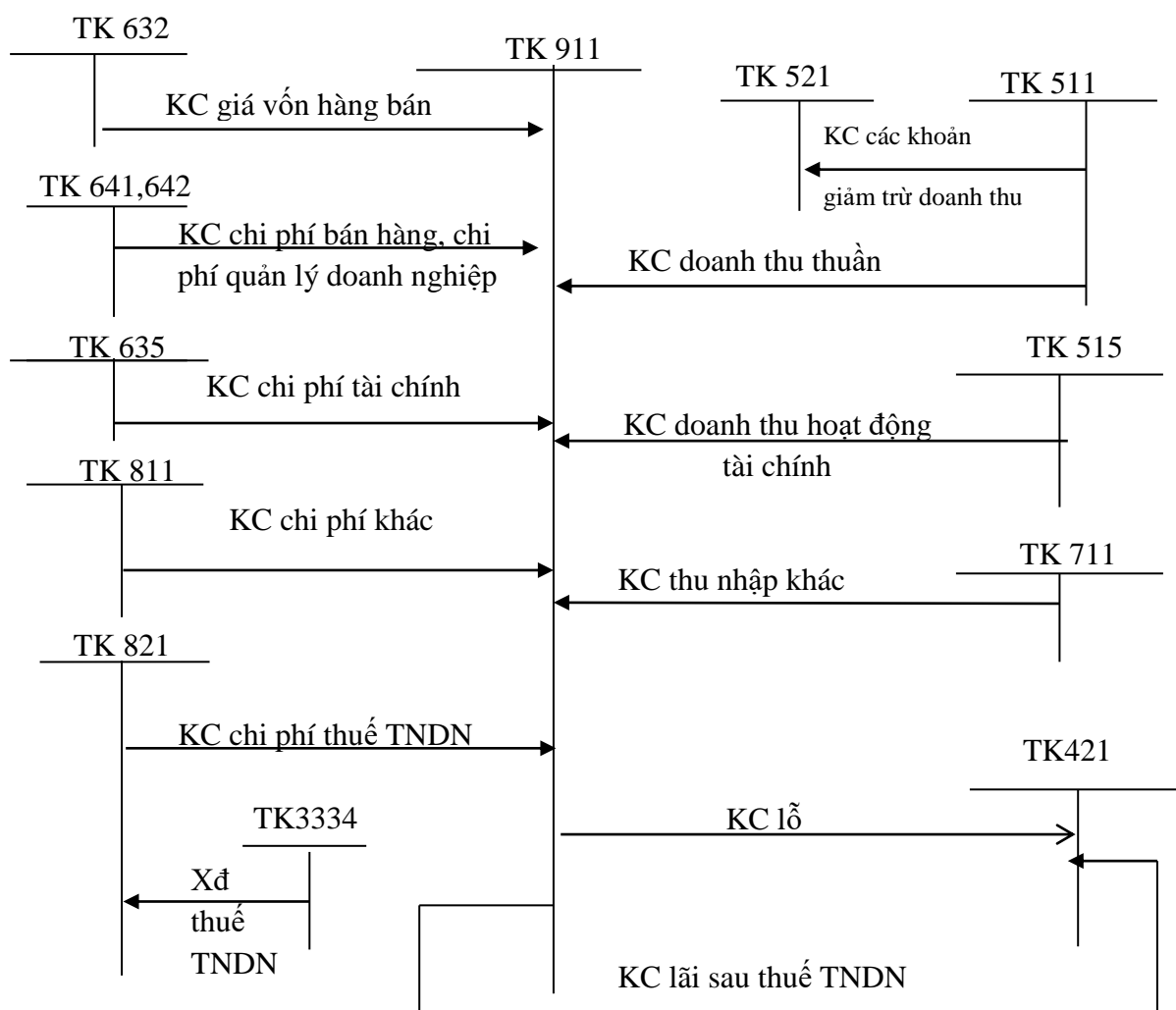
- Tập hợp chi phí phát sinh trong kỳ (giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp)
- Kết chuyển lãi.
- Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

**Bên có:**

- Tập hợp doanh thu, thu nhập phát sinh trong kỳ (doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ)
- Kết chuyển lỗ.

*TK 911 không có số dư cuối kỳ*

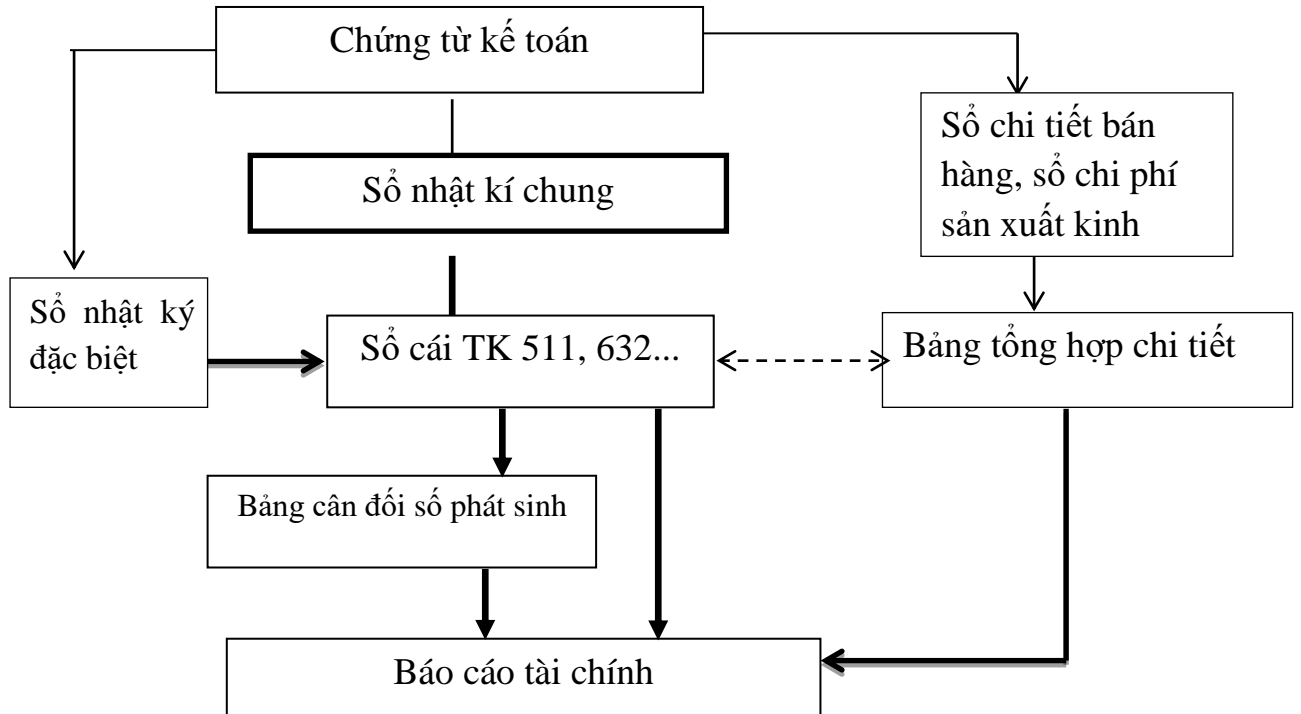
Phương pháp xác định kết quả kinh doanh được thực hiện theo sơ đồ như sau:



**Sơ đồ 1.9: Trình tự hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp**

## 1.8. Đặc điểm kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh theo các hình thức kế toán.

### 1.8.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung.

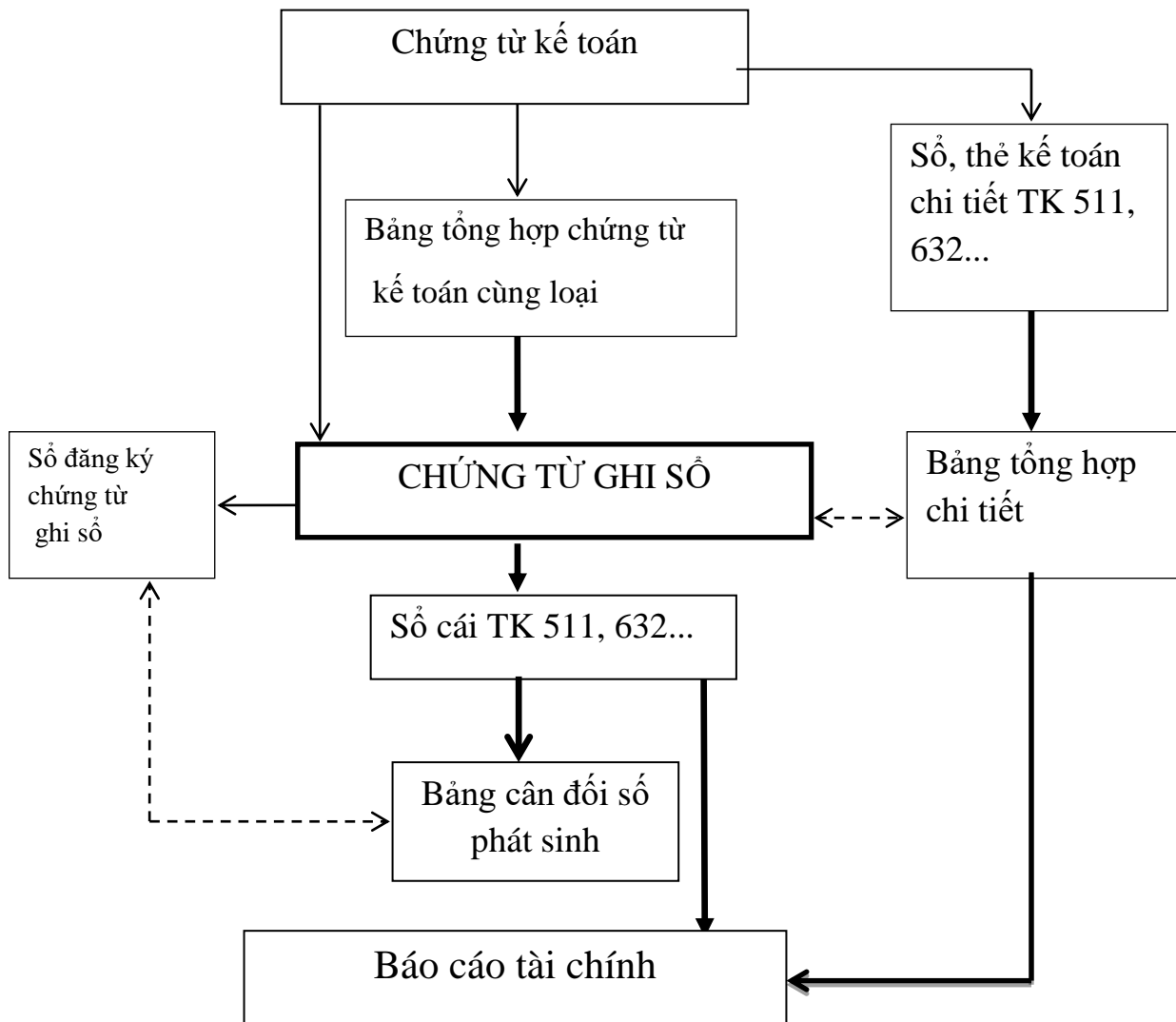


**Sơ đồ 1.10: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu – chi phí theo hình thức kế toán Nhật ký chung**

#### Ghi chú:

Ghi hàng ngày	→
Ghi cuối tháng hoặc định	→
Đối chiếu, kiểm tra	<--->

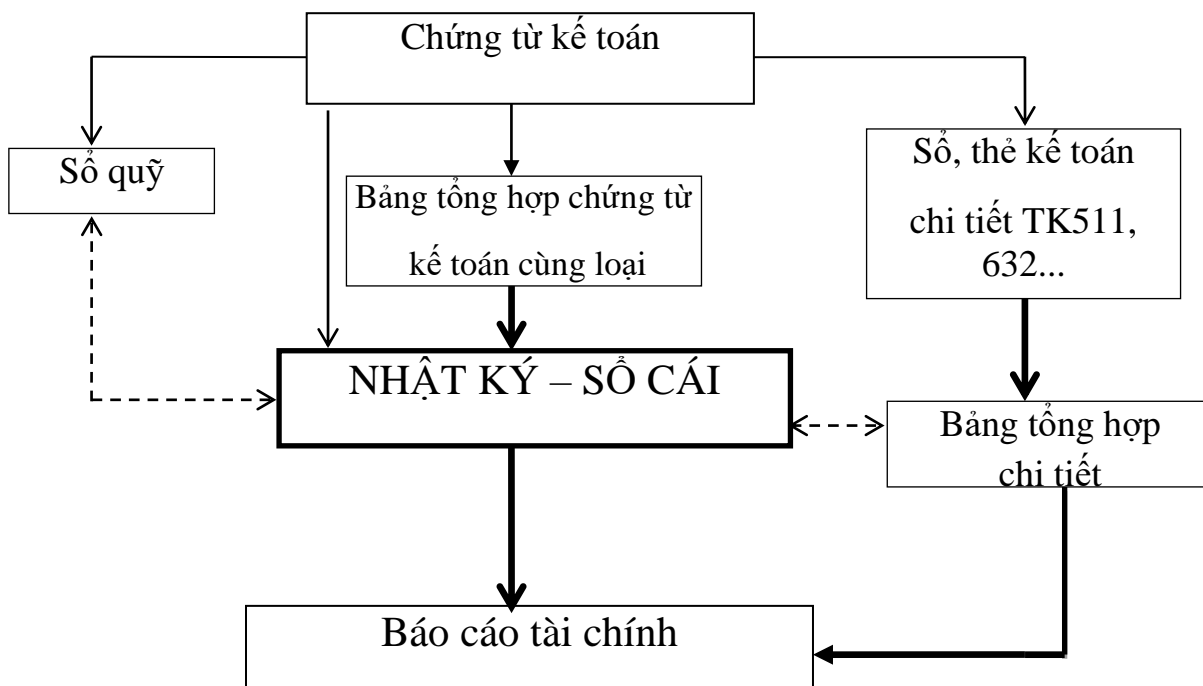
**1.8.2. Hình thức kế toán Chứng Từ ghi Sổ.**



**Sơ đồ 1.11: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu – chi phí theo hình thức kế toán chứng từ ghi sổ**

**Ghi chú:**

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng hoặc định →
- Đối chiếu, kiểm tra <--->

**1.8.3. Hình thức kế toán Nhật ký- Sổ Cái**

**Sơ đồ 1.12: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu – chi phí theo hình thức kế toán Nhật ký-Sổ cái**

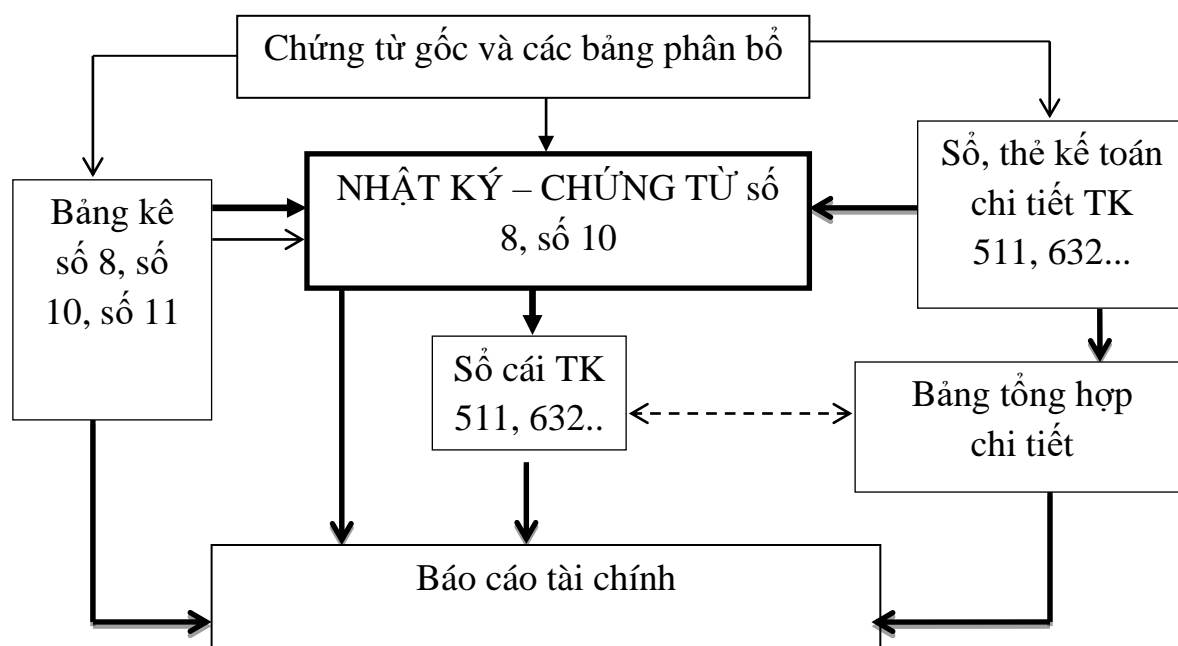
**Ghi chú:**

Ghi hàng ngày  $\longrightarrow$

Ghi cuối tháng hoặc định  $\longrightarrow$

Đôi chiếu, kiểm tra  $\langle\text{---}\rangle$

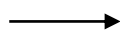
#### 1.8.4. Hình thức kế toán Nhật ký- Chứng từ



**Sơ đồ 1.13: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu – chi phí theo hình thức kế toán Nhật ký – chứng từ**

#### Ghi chú:

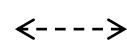
Ghi hàng ngày



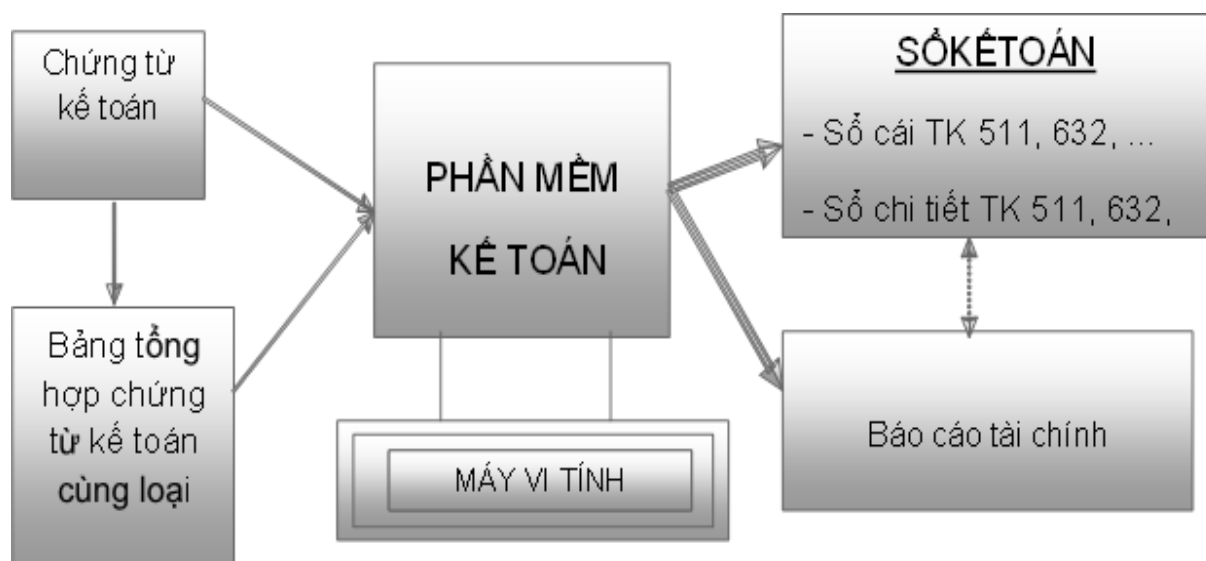
Ghi cuối tháng hoặc định



Đối chiếu, kiểm tra



### 1.8.5. Hình thức kế toán máy vi tính.



**Sơ đồ 1.14: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu – chi phí theo hình thức kế toán Máy vi tính.**

#### Ghi chú:

Ghi hàng ngày	→
Ghi cuối tháng hoặc định	→
Đối chiếu, kiểm tra	<--->



## CHƯƠNG 2

### THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VĨNH THỊNH

**2.1. Đặc điểm chung ảnh hưởng đến công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần đầu tư thương mại Vĩnh Thịnh.**

**2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty cổ phần đầu tư thương mại Vĩnh Thịnh.**

- Công ty Cổ phần Đầu Tư Thương Mại Vĩnh Thịnh được thành lập ngày 09 tháng 06 năm 2009 bởi 3 cổ đông sáng lập. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0200826001 của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 09 tháng 06 năm 2009.
- Tên Công ty: Công ty Cổ phần Đầu Tư Thương Mại Vĩnh Thịnh
- Địa chỉ trụ sở: Công Phú Xá - phường Đông Hải 1 – quận Hải An – tp.Hải Phòng.
- Mã Số Thuế: 0200934399.
- Số điện thoại: 031.3975729
- Chủ doanh nghiệp: Bùi Thị Thanh Mai
- Vốn đầu tư đăng ký: 5.600.000.000 VND (Năm tỷ sáu trăm triệu đồng)
- Loại hình doanh nghiệp: Công ty cổ phần
- Công ty là một doanh nghiệp có tư cách pháp nhân, có quyền và nghĩa vụ dân sự theo luật định. Hạch toán kế toán độc lập, được sử dụng con dấu riêng theo quy định của Nhà nước và hoạt động theo điều lệ của công ty.
- Hình thức sở hữu vốn : góp vốn
- Ngành nghề kinh doanh:

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200826001 của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng Công ty có các ngành, nghề kinh doanh chủ yếu sau đây:

- Xây dựng dân dựng, xây dựng công nghiệp, xây dựng các công trình giao thông, xây dựng các công trình thủy lợi.
- Xây dựng nền móng các công trình .
- Kinh doanh hàng hóa, vật liệu xây dựng, thiết bị vệ sinh.
- Kinh doanh, vận chuyển và cho thuê máy móc, thiết bị.
- Kinh doanh vận tải hàng bằng xe ô tô.

**Bảng 2.1. Một số chỉ tiêu tài chính tại Công ty cổ phần đầu tư thương mại Vĩnh Thịnh.**

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015
1. Tổng Doanh thu thuần	16.151.258.626	18.821.233.307
2. Tổng GVHB	15.890.933.744	18.393.384.556
3. Tổng lợi nhuận gộp	261.324.882	428.848.751
4. Tổng LNST	74.275.705	118.499.770
5. Thu nhập BQ 1 lao động/ tháng	3.985.688	4.369.160
6. Thuế và các khoản nộp NSNN	18.568.926	29.624.943
7. Vốn kinh doanh BQ	5.600.000.000	5.600.000.000

**2.1.2. Đặc điểm hàng hóa, tổ chức kinh doanh tại Công ty cổ phần đầu tư thương mại Vĩnh Thịnh.**

*\* Đặc Điểm sản phẩm:*

Hàng hoá kinh doanh tại Công ty là các loại vật liệu xây dựng như: cát, đá, xi măng, sắt, thép... và các thiết bị vệ sinh. Số lượng hàng hoá mỗi lần nhập thường lớn và nhiều chủng loại khác nhau.

Thị trường tiêu thụ hàng hoá không những ở Hải Phòng mà còn phân bố rộng rãi ở các tỉnh miền Bắc: Hà Nội, Hải Dương, Quảng Ninh, Nam Định, Hoà Bình, Thái Nguyên....

*\* Quy trình bán hàng của công ty cổ phần đầu tư thương mại Vĩnh Thịnh*

Bao gồm 3 giai đoạn chủ yếu như sau:

Giai đoạn 1: Nhận đơn hàng từ khách hàng.

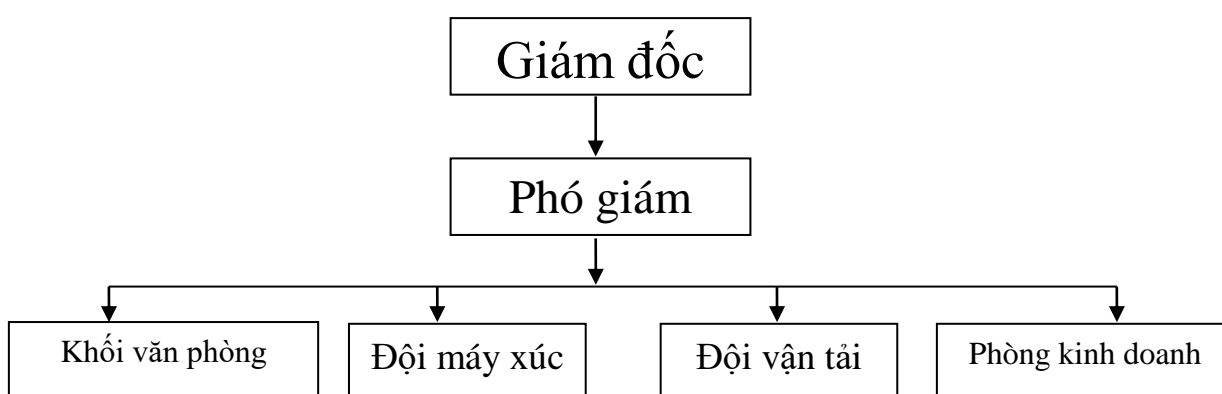
Giai đoạn 2: Thỏa thuận và tiếp nhận thông tin làm hợp đồng mua bán.

Giai đoạn 3: Tổ chức bán hàng, giao hàng và xuất hóa đơn theo Hợp đồng.

### **2.1.3. Đối tượng và kì hạch toán doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần đầu tư thương mại Vĩnh Thịnh.**

- Đối tượng hạch toán doanh thu, chi phí tại Công ty cổ phần đầu tư thương mại Vĩnh Thịnh theo lĩnh vực hoạt động ( hoạt động kinh doanh, hoạt động tài chính, hoạt động khác ).
- Đối tượng hạch toán kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần đầu tư thương mại Vĩnh Thịnh hạch toán chung cho mọi hoạt động kinh doanh của đơn vị.
- Kỳ hạch toán doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần đầu tư thương mại Vĩnh Thịnh theo năm.

### **2.1.4. Đặc điểm bộ máy tổ chức quản lí tại Công ty cổ phần đầu tư thương mại Vĩnh Thịnh.**



**Sơ đồ 2.1: Sơ Đồ Bộ Máy Tổ Chức Tại Công Ty**

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty cổ phần đầu tư thương mại Vĩnh Thịnh )

- Giám đốc: là người thực hiện chức năng điều hành, quản lý công ty. Mọi vấn đề trong hoạt động kinh doanh, mọi biện pháp giải quyết đều được thông qua giám đốc. Đồng thời giám đốc cũng là người chịu hoàn toàn trách nhiệm của công ty cũng như việc thực hiện đúng tất cả các chủ trương, đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước. Tất cả công việc được giám đốc kiểm tra, đôn đốc.
- Phó giám đốc: là người trợ giúp giám đốc trong việc điều hành mọi hoạt động kinh doanh từng lĩnh vực trong và ngoài công ty. Phó giám đốc được giám đốc phân công phụ trách về vấn đề kinh doanh, theo dõi công việc từng bộ phận.
- Khối văn phòng: theo dõi và báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch tài chính

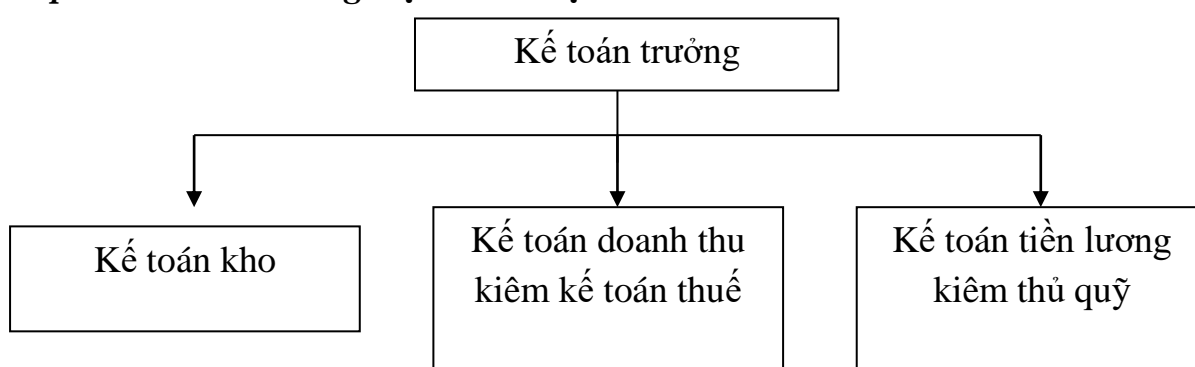
tháng, quý, năm; xây dựng và tổ chức bộ máy kế toán cũng như kế hoạch báo cáo định kỳ; xây dựng các kế hoạch vay vốn.

- Đội máy xúc: điều khiển máy xúc để đưa lượng hàng hóa lên xe vận chuyển đến cho khách hàng.

- Đội vận tải: vận chuyển hàng hóa theo nhu cầu của khách hàng.

- Phòng kinh doanh: trực tiếp chịu trách nhiệm thực hiện các hoạt động tiếp thị - bán hàng tới các khách hàng và khách hàng tiềm năng của công ty nhằm đạt mục tiêu về Doanh số, Thị phần,...

### **2.1.5. Đặc điểm bộ máy kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại Công ty cổ phần đầu tư thương mại Vĩnh Thịnh.**



### **Sơ đồ 2.2: Mô Hình Tổ Chức Bộ Máy Kế Toán**

*(Nguồn: Phòng kế toán Công ty cổ phần đầu tư thương mại Vĩnh Thịnh )*

- Kế toán trưởng: với chức năng quản lý, chỉ đạo, phụ trách chung mọi hoạt động, các nghiệp vụ hạch toán của công ty, phân tích mọi hoạt động kinh tế, phân công chỉ đạo trực tiếp các nhân viên trong phòng. Kiểm tra và ký duyệt chứng từ, lập báo cáo, báo cáo các đơn vị cấp trên, làm báo cáo tài chính của toàn công ty. Chịu trách nhiệm trước giám đốc và cơ quan pháp luật Nhà nước về toàn bộ công việc của mình.

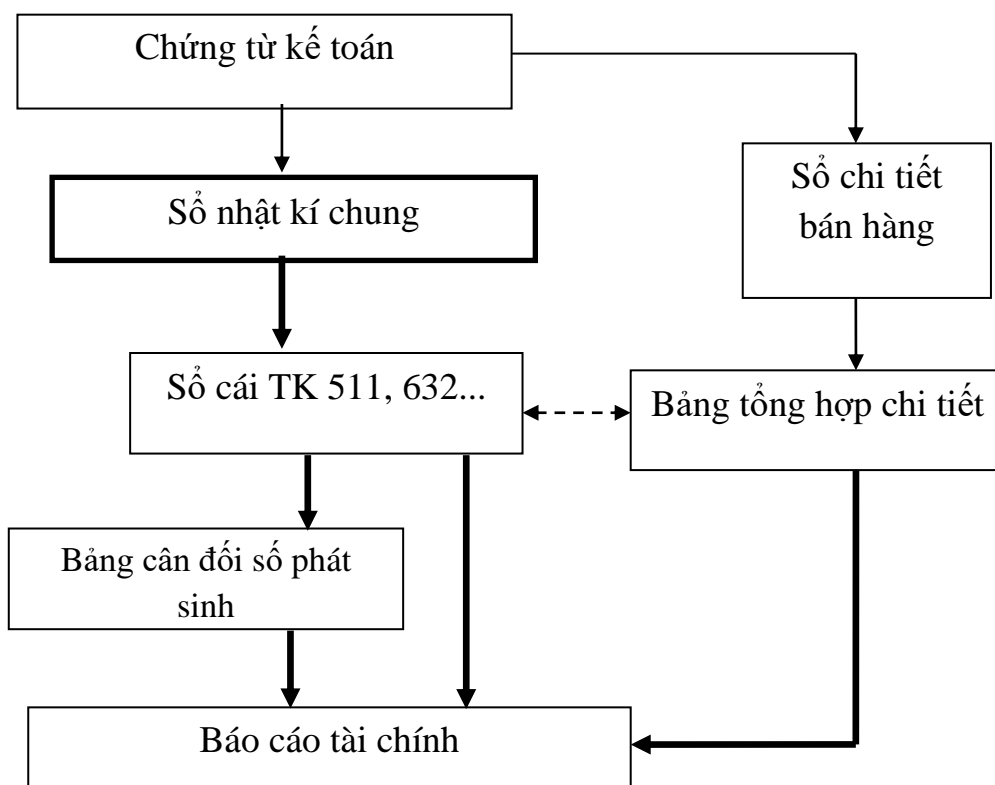
- Kế toán kho: Theo dõi tình hình nhập – xuất – tồn của hàng hóa. Theo dõi chi phí hoạt động của công ty, tình hình lãi lỗ.

- Kế toán doanh thu kiêm kế toán thuế: Thu nhận các chứng từ thanh toán trong ngày, đồng thời theo dõi tính lương cho các cán bộ quản lý văn phòng, theo dõi doanh thu của công ty. Theo dõi TK TGNH các khoản vay ngân hàng. Trực tiếp

làm việc với cơ quan thuế khi có phát sinh. Kiểm tra đối chiếu hóa đơn GTGT với bảng kê thuế đầu vào, đầu ra. Lập báo cáo tổng hợp thuế theo định kỳ.

- Kế toán tiền lương kiêm thủ quỹ: có nhiệm vụ tổ chức ghi chép, phản ánh, tổng hợp số liệu về số lượng lao động, thời gian kết quả lao động, tính lương, phân bổ chi phí nhân công theo đúng đối tượng sử dụng lao động. Theo dõi tình hình thanh toán tiền lương, tiền thưởng, các khoản trợ cấp, phụ cấp cho người lao động. Lập các báo cáo về lao động, tiền lương như Bảng tính lương tháng, Bảng tổng hợp chi trả lương phục vụ cho công tác quản lý của Nhà nước và của doanh nghiệp. Cất giữ tiền mặt tại công ty, thu chi tiền khi có hóa đơn chứng từ của kế toán thuế chuyển sang. Cuối ngày phải báo cáo tồn quỹ với kế toán trưởng và đối chiếu thu chi tồn quỹ với kế toán thuế.

- Kỳ kế toán của công ty bắt đầu ngày 01/01 đến hết ngày 31/12
- Đơn vị tiền tệ sử dụng: Đồng Việt Nam.
- Chế độ kế toán: Thông tư số: 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.
- Phương pháp khấu hao TSCĐ: Phương pháp đường thẳng
- Phương pháp áp dụng thuế: phương pháp khấu trừ.
- Phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước.
- Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

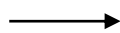


**Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ theo hình thức Nhật Ký Chung tại công ty cổ phần đầu tư thương mại Vĩnh Thịnh**

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty cổ phần đầu tư thương mại Vĩnh Thịnh )

#### Ghi chú

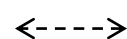
Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng hoặc định



Đối chiếu, kiểm tra



Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra, kế toán ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung và các sổ kế toán chi tiết liên quan. Từ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung, kế toán ghi vào Sổ Cái các tài khoản phù hợp.

Cuối kỳ, kế toán cộng số liệu trên Sổ Cái và kiểm tra đối chiếu với Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các Sổ, thẻ kế toán chi tiết). Sau đó, căn cứ vào Sổ Cái, kế toán lập Bảng cân đối số phát sinh. Từ các sổ cái, Bảng tổng hợp chi tiết và Bảng cân đối số phát sinh, kế toán lập Báo cáo tài chính.

## 2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần đầu tư thương mại Vĩnh Thịnh.

### 2.2.1. Nội dung hạch toán doanh thu, chi phí hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty cổ phần đầu tư thương mại Vĩnh Thịnh.

#### ❖ Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

- Chứng từ sử dụng:
  - Hóa đơn GTGT.
  - Giấy báo có của ngân hàng
  - Phiếu thu
  - Hợp đồng mua bán
- Sổ sách sử dụng:
  - Sổ nhật ký chung.
  - Sổ cái TK 511
- Tài khoản sử dụng:
  - Tài khoản 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

**Ví dụ 1:** Bán cát đá cho công ty CP TM XD 325 từ ngày 1/12/2015 đến ngày 15/12/2015 với số tiền trước thuế là: 137.570.000đ, VAT: 13.757.000đ, tổng cộng tiền thanh toán : 151.327.000đ. Khách hàng chưa thanh toán.

Kế toán tập hợp số liệu và lập bảng xác định khối lượng hàng hóa ( như biểu 2.1) sau khi gửi bảng xác định khối lượng hàng hóa cung cấp cho công ty CP TM XD 325 để đối chiếu, công ty CP TM XD 325 sẽ báo lại cho kế toán để viết hóa đơn. Ngày 15/12/2015, xuất hóa đơn GTGT( như biểu 2.2) cho công ty CP TM XD 325 với số tiền trước thuế là: 137.570.000 đồng, thuế suất 10%.

Kế toán định khoản ghi nhận doanh thu như sau:

Nợ TK 131: 151.327.000

Có Tk 511: 137.570.000

Có TK 3331: 13.757.000

**Biểu số 2.1: Bảng xác định khối lượng hàng hóa cung cấp****BẢNG XÁC ĐỊNH KHỐI LƯỢNG HÀNG HÓA CUNG CẤP**

Từ ngày 01/12/2015 đến ngày 15/12/2015

**Đơn vị bán hàng : Công ty CP ĐT TM Vĩnh Thịnh**

Địa chỉ : Phú Xá - Đông Hải - Hải An

**MST : 0200934399**

**Đơn vị mua hàng: Công ty CP TM XD 325**

Địa chỉ: 172 Lãm Hà - Phường Lãm Hà - Kiến An - Hải Phòng

**MST : 0200936205**

<b>Mặt hàng</b>	<b>ĐVT</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Đơn giá</b>	<b>Thành tiền</b>
Cát Vàng	M3	120	197.000	23.640.000
Cát Đen	M3	220	75.000	16.500.000
Đá 1x2( đen)	M3	100	210.000	21.000.000
Cát Hà Bắc	M3	250	85.000	21.250.000
Đá 0.5	M3	310	178.000	55.180.000
<b>Cộng tiền hàng</b>				<b>137.570.000</b>
<b>Thuế GTGT 10%</b>				<b>13.757.000</b>
<b>Tổng cộng</b>				<b>151.327.000</b>

*Bảng chữ: Một trăm năm mươi một triệu, ba trăm hai mươi bảy nghìn đồng .*

*Hải Phòng, ngày 15 tháng 12 năm 2015*

**CÔNG TY CP TM XD 325**

**CÔNG TY CP ĐT TM VĨNH THỊNH**

*(Nguồn: Phòng kế toán Công ty cổ phần đầu tư thương mại Vĩnh Thịnh )*



**Biểu số 2.2: Hóa Đơn Giá Trị Gia Tăng Số 0000236**

<b>HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>			Mẫu số: 01GTKT3/001		
Liên 3: Nội bộ			Ký hiệu: AA/15P		
Ngày 15 tháng 12 năm 2015			Số: 0000236		
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CP ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VĨNH THỊNH					
Mã số thuế: 0200934399					
Địa chỉ: Phú Xá – Đông Hải – Hải An – Hải Phòng					
Số điện thoại:					
Số tài khoản:.....					
Họ tên người mua hàng: Bùi Văn Hương					
Tên đơn vị: Công ty CP TM XD 325					
Mã số thuế: 0200936205					
Địa chỉ: 172 Lãm Hà - Phường Lãm Hà - Kiến An - Hải Phòng					
Hình thức thanh toán: TM/CK. Số tài khoản: .....					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Cát Vàng	m <sup>3</sup>	120	197.000	23.640.000
2	Cát Đen	m <sup>3</sup>	220	75.000	16.500.000
3	Đá 1x2( đen)	m <sup>3</sup>	100	210.000	21.000.000
4	Cát hà bắc	m <sup>3</sup>	250	85.000	21.250.000
5	Đá 0.5	m <sup>3</sup>	310	178.000	55.180.000
Cộng tiền hàng					<b>137.570.000</b>
Thuế suất: 10%		Tiền thuế GTGT			<b>13.757.000</b>
Tổng cộng tiền thanh toán					<b>151.327.000</b>
Số tiền viết bằng chữ: <i>Một trăm năm mươi một triệu, ba trăm hai mươi bảy nghìn đồng .</i>					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty cổ phần đầu tư thương mại Vĩnh Thịnh )

**Ví dụ 2:** Ngày 16/12/2015, xuất kho bán 100 m<sup>3</sup> đá 2x4 cho CT TNHH TM&XD Nam Cường, đơn giá 175.000 đ/m<sup>3</sup> chưa có VAT, đã thu bằng tiền mặt.

**Biểu số 2.3: Hóa Đơn Giá Trị Gia Tăng Số 000238**

<b>HÓA ĐƠN</b>		Mẫu số: 01 GTKT 3/001			
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>		Kí hiệu: AA/15P			
(Liên 3: Nội bộ)		Số: 0000238			
Ngày 16/12/2015					
Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần đầu tư thương mại Vĩnh Thịnh					
MST: 0200934399.					
ĐC: Công Phú Xá - phường Đông Hải 1-quận Hải An – tp.Hải Phòng.					
Điện thoại:					
Số tài khoản:.....					
Họ và tên người mua hàng: Nguyễn Thị Thắm					
Tên đơn vị: Công ty TNHH TM&XD Nam Cường					
MST: 2300622573					
ĐC: Đường TS 27 Khu công nghiệp Tiên Sơn, Phường Tân Hồng, Thị xã Từ Sơn, Bắc Ninh					
Hình thức thanh toán: Tiền mặt ; Số tài khoản:.....					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	B	C	1	2	3=1x
1	Đá 2x4	M <sup>3</sup>	100	175.000	17.500.00
Cộng tiền hàng:					17.500.000
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		1.750.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					19.250.000
Số tiền viết bằng chữ: Mười chín triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng chẵn./					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)					

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty cổ phần đầu tư thương mại Vĩnh Thịnh )

**Biểu số 2.4: Phiếu thu số 221**

Đơn vị: CT CP ĐTTM Vĩnh Thịnh

Mẫu số 02-VT

Địa chỉ: Cống Phú Xá - phường

TT số 200/2014/TT-BTC

Đông Hải 1 - quận Hải An -

**PHIẾU THU**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014

tp. Hải Phòng.

**Số: 221**

của Bộ tài chính

Ngày 16 tháng 12 năm

2015

**NỢ TK 111: 19.250.000****CÓ TK 511: 17.500.000****CÓ TK 3331: 1.750.000**

Họ tên người nộp tiền: Nguyễn Thị Thắm

Địa chỉ: Công ty TNHH TM&amp;XD Nam Cường

Lý do nộp: Thu tiền bán hàng

Số tiền: 19.250.000

Viết bằng chữ: Mười chín triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng chẵn./

Đã nhận đủ số tiền (Bằng chữ): Mười chín triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng chẵn./

Ngày 16 tháng 12 năm 2015

Người lập phiếu

Kế toán trưởng

Giám đốc

*(Nguồn: Phòng kế toán Công ty cổ phần đầu tư thương mại Vĩnh Thịnh)*

**Ví dụ 3:** Ngày 16/12/2015 xuất bán cho công ty TNHH Cát Khải theo hóa đơn GTGT số 0000604, bao gồm xi măng Hải vân PCB40, số lượng 46 tấn, đơn giá chưa thuế 1.150.000 đ/tấn. Bên mua đã chuyển trả tiền hàng qua ngân hàng.

**Biểu số 2.5: Hóa đơn giá trị gia tăng số 00000239**

<b>HÓA ĐƠN</b>		Mẫu số: 01/GTKT/3/001			
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>		Kí hiệu: AA/15P			
(Liên 3: Nội bộ)		Số: 0000239			
Ngày 16/12/2015					
Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần đầu tư thương mại Vĩnh Thịnh MST: 0200934399. ĐC: Công Phú Xá - phường Đông Hải 1 – quận Hải An – tp.Hải Phòng. Điện thoại: Số tài khoản:.....					
Họ và tên người mua hàng: Nguyễn Tiến Thắng Tên đơn vị: Công ty TNHH Cát Khải MST: 2300622573 ĐC: Đường TS 27 Khu công nghiệp Tiên Sơn, Phường Tân Hồng, Thị xã Từ Sơn, Bắc Ninh Hình thức thanh toán: CK; Số tài khoản:.....					
ST	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Xi măng PCB40	tấn	46	1.150.000	52.900.000
Cộng tiền hàng:					52.900.000
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		5.290.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					58.190.000
Số tiền viết bằng chữ: Năm mươi tám triệu một trăm chín mươi nghìn đồng chẵn./					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)					

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty cổ phần đầu tư thương mại Vĩnh Thịnh )

**Biểu số 2.6: Giấy báo có ngân hàng BIDV**

BIDV

GIẤY BÁO CÓ

MST: 0100150619126

Số : 1778

Ngày: 16/12/2015

SỐ TÀI KHOẢN: 321-10-00-012253-2 VND

TÊN TÀI KHOẢN: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI  
VĨNH THỊNH

Ngân hàng chúng tôi xin trân trọng  
thông báo: Tài khoản của  
Quý khách hàng được ghi có với  
nội dung sau: Trả tiền hàng

Ngày	Số tiền	Loại tiền	Nội dung
16/12/2015	58,190,000	VND	Trả tiền hàng

Giao dịch viên

Kiểm soát viên

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty cổ phần đầu tư thương mại Vĩnh Thịnh )

Căn cứ vào HD 0000236 ( Biểu số 2.2), phiếu thu số 221( Biểu số 2.4), HD 0000238(Biểu số 2.3), phiếu báo có 1778 ( Biểu số 2.6) và HD 0000239( như biểu 2.5, Kế toán ghi sổ nhật kí chung như biểu số 2.7:

### Biểu số 2.7: Sổ nhật kí chung tháng 12/2015

Công ty cổ phần đầu tư thương mại Vĩnh Thịnh

Địa chỉ: Công Phú Xá - phường Đông Hải 1-quận Hải An – TP.Hải Phòng.

Mẫu số S03a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

### TRÍCH NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 12/2015

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày GS	Chứng từ		Diễn Giải	SHTK	Số phát sinh	
	Số CT	Ngày CT			Nợ	Có
...	...	....	...	....	...	...
15/12	HD 0000 236	15/12	Doanh thu bán cát đá các loại – CT CPTMXD 325			
			<i>Phải thu của người mua và người giao thầu</i>	131	151.327.000	
			<i>Doanh thu bán hàng</i>	511		137.570.000
			<i>Thuế GTGT phải nộp</i>	3331		13.757.000
16/12	PT 221	16/12	Doanh thu bán đá 2x4– CT Nam Cường			
			<i>Tiền mặt</i>	111	19.250.000	
			<i>Doanh thu bán hàng</i>	511		17.500.000
			<i>Thuế GTGT phải nộp</i>	3331		1.750.000
16/12	BC 1778	16/12	Doanh thu bán xi măng– CT TNHH Cát Khải			
			<i>Tiền gửi ngân hàng</i>	112	58.190.000	
			<i>Doanh thu bán hàng</i>	511		52.900.000
			<i>Thuế GTGT phải nộp</i>	3331		5.290.000
...	...	...	...	...	...	...
			<b>Cộng lũy kế từ đầu năm</b>		<b>124.178.180.504</b>	<b>124.178.180.504</b>

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty cổ phần đầu tư thương mại Vĩnh Thịnh )

Căn cứ vào sổ Nhật kí chung ( biểu 2.7) , kế toán ghi vào sổ cái TK 511 như biểu số 2.8:

**Biểu số 2.8: Sổ cái TK 511 tháng 12/2015**

Công ty cổ phần đầu tư thương mại Vĩnh Thịnh

Địa chỉ: Công Phú Xá - phường Đông Hải 1-quận Hải An – TP.Hải Phòng.

Mẫu số S03b – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**TRÍCH SỔ CÁI TÀI KHOẢN**

**511- Doanh thu bán hàng**

Tháng 12/2015

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày GS	Chứng từ		Diễn Giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số CT	Ngày CT			PS Nợ	PS Có
			Số dư đầu năm			
			...			
15/12	HĐ0236	15/12	Doanh thu bán cát đá các loại-CT CPTMXD325	131		151.327.000
16/12	PT221	16/12	Doanh thu bán đá 2x4- CT Nam Cường	111		17.500.000
16/12	BC1778	16/12	Doanh thu bán xi măng- CT TNHH Cát Khải	112		52.900.000
...	...	...	...	...	...	...
31/12	PTK25	31/12	KC Doanh thu bán hàng	911	18.821.233.307	
			Cộng lũy kể từ đầu năm		<b>18.821.233.307</b>	<b>18.821.233.307</b>
			Số dư cuối năm			

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty cổ phần đầu tư thương mại Vĩnh Thịnh )

**❖ Kế toán giá vốn hàng bán**

- \* Chứng từ kế toán sử dụng tại công ty
  - Phiếu xuất kho
- \* Tài khoản kế toán sử dụng tại công ty
  - TK 632: Giá vốn hàng bán
- \* Sổ sách kế toán sử dụng tại công ty
  - Sổ Nhật ký chung, Sổ cái TK 632
- \* Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại công ty

**Ví dụ1:** Bán cát đá cho công ty CP TM XD 325 từ ngày 01/12/2015 đến ngày 15/12/2015 . Khách hàng chưa thanh toán.



Căn cứ HĐ 0000236( biểu 2.2) kế toán lập phiếu xuất kho số 43 như biểu 2.9:

### Biểu số 2.9: Phiếu xuất kho số 43

Đơn vị: CT CP ĐTTM Vĩnh Thịnh

Mẫu số 02-VT

Địa chỉ: Công Phú Xá - phường Đông

TT số 200/2014/TT-BTC

Hải 1-quận Hải An – tp.Hải Phòng.

#### PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 22 tháng 12 năm 2014

Số 43

của Bộ tài chính

Ngày 15 tháng 12 năm 2015

Họ tên người nhận hàng : Cty CPTMXD 325

Lý do xuất kho: Xuất bán cát đá các loại

Xuất tại kho: Kho hàng hóa

Địa điểm:

STT	Tên sản phẩm hàng hóa	Mã số	Đ.v.t	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo CT	Thực xuất		
1	Cát Vàng		M3		120	190.000	22.800.000
2	Cát Đen		M3		220	70.000	15.400.000
3	Đá 1x2		M3		100	205.000	20.500.000
4	Cát Hà Bắc		M3		250	78.000	19.500.000
5	Đá 0.5		M3		310	171.000	53.010.000
	<b>Cộng tiền hàng</b>						<b>131.210.000</b>

Tổng số tiền (viết bằng chữ): Một trăm ba mươi một triệu, hai trăm mười nghìn đồng.

Ngày 15 tháng 12 năm 2015

Người lập phiếu      Người nhận hàng      Thủ kho      Kế toán trưởng      Giám đốc

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty cổ phần đầu tư thương mại Vĩnh Thịnh )

Kế toán dựa vào sổ chi tiết vật liệu tháng 12 năm 2015 (như biểu 2.10) để xác định giá vốn hàng bán.

Giả sử tính đơn giá xuất kho của cát vàng (theo phương pháp nhập trước – xuất trước): Kế toán lấy số lượng 120 x 190.000 (Đơn giá tồn đầu kỳ) = 22.800.000

**Biểu số 2.10: Sổ chi tiết vật liệu, sản phẩm, hàng hóa tháng 12 năm 2015**

Công ty cổ phần đầu tư thương mại Vĩnh Thịnh

Địa chỉ: Công Phú Xá - phường Đông Hải 1-quận Hải An – TP.Hải Phòng.

**Mẫu số S10 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**TRÍCH SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, SẢN PHẨM, HÀNG HÓA**

Tháng 12/ 2015

TK 156- Tên vật liệu, sản phẩm, hàng hóa: Cát vàng

Đơn vị tính: VNĐ

CT		Diễn giải	TKĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
SH	NT				SL	TT	SL	TT	SL	TT
		<b>Số dư đầu kỳ</b>		<b>190.000</b>					<b>630</b>	<b>119.700.000</b>
...	...	...		...		...		...		....
PN12/40	10/12	Nhập kho cát xây Trung Hà của CT Phương Thảo	331	200.000	500	100.000.000			1.130	219.700.000
PX12/43	15/12	Xuất kho bán cho CT CP TMXD 235	632	190.000			120	22.800.000	1.010	196.900.000
		...		...		...		...		...
		<b>Cộng phát sinh</b>			<b>1.000</b>	<b>189.600.000</b>	<b>520</b>	<b>97.500.000</b>	<b>480</b>	<b>92.100.000</b>
		<b>Số dư cuối kỳ</b>							<b>11.200</b>	<b>32.160.000</b>

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty cổ phần đầu tư thương mại Vĩnh Thịnh )

**Ví dụ 2:** Ngày 16/12/2015, xuất kho bán 100 m<sup>3</sup> đá 2x4 cho CT TNHH TM&XD Nam Cường, đơn giá 175.000 đ/m<sup>3</sup> chưa có VAT, đã thu bằng tiền mặt.

Căn cứ vào HĐ 0000238 (như biểu 2.3) ngày 16/12/2015, kế toán lập phiếu xuất kho như biểu số 2.11

**Biểu số 2.11: Phiếu xuất kho số 44**

Đơn vị: CT CP ĐTTM Vĩnh Thịnh

Mẫu số 02-VT

Địa chỉ: Phú Xá-phường Đông Hải 1

TT số 200/2014/TT-BTC

-quận Hải An – tp.Hải Phòng.

**PHIẾU XUẤT KHO**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014

Số 44

của Bộ tài chính

Ngày 16 tháng 12 năm 2015

Họ tên người nhận hàng : CT TNHH TM&XD Nam Cường

Lý do xuất kho: Xuất bán Đá 2x4

Xuất tại kho: Kho hàng hóa

Địa điểm:

STT	Tên sản phẩm hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo CT	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Đá 2x4	Đá 2x4	m <sup>3</sup>	100	100	170.000	17.000.000
	<b>Cộng</b>						<b>17.000.000</b>

Tổng số tiền (viết bằng chữ): Mười bảy triệu đồng chẵn.

Ngày 16 tháng 12 năm 2015

Người lập phiếu    Người nhận hàng    Thủ kho    Kế toán trưởng    Giám đốc

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty cổ phần đầu tư thương mại Vĩnh Thịnh)

Việc tính đơn giá xuất kho cho đá 2x4 dựa trên sổ chi tiết vật liệu, sản phẩm, hàng hóa TK156 của đá 2x4.

**Ví dụ 3:** Ngày 16/12/2015 xuất bán cho công ty TNHH Cát Khải theo hóa đơn GTGT số 0000604, bao gồm xi măng Hải vân PCB40, số lượng 46 tấn, đơn giá chưa thuế 1.150.000 đ/tấn. Bên mua đã chuyển trả tiền hàng qua ngân hàng. Căn cứ vào HĐ0000239 (như biểu 2.5) ngày 16/12/2015, kế toán lập phiếu xuất kho như biểu số 2.12

**Biểu số 2.12: Phiếu xuất kho số 45**

Đơn vị: CT CP ĐTTM Vĩnh Thịnh  
Địa chỉ: Phú Xá - phường Đông Hải  
1-quận Hải An – tp.Hải Phòng.

Mẫu số 02-VT

TT số 200/2014/TT-BTC

**PHIẾU XUẤT KHO**  
Số 45

Ngày 22 tháng 12 năm 2014

Ngày 16 tháng 12 năm 2015

của Bộ tài chính

Họ tên người nhận hàng : CT TNHH Cát Khải

Lý do xuất kho:

Doanh thu bán xi măng - CT TNHH Cát Khải

Xuất tại kho:

Kho hàng hóa

Địa điểm:

STT	Tên sản phẩm hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo CT	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Xi măng PCB40		Tấn	46	46	1.144.000	52.624.000
	<b>Cộng</b>						<b>52.624.000</b>

Tổng số tiền (viết bằng chữ): Năm mươi hai triệu sáu trăm hai mươi tư nghìn đồng.

Ngày 16 tháng 12 năm 2015

Người lập phiếu    Người nhận hàng    Thủ kho    Kế toán trưởng    Giám đốc

*(Nguồn: Phòng kế toán Công ty cổ phần đầu tư thương mại Vĩnh Thịnh )*

Việc tính đơn giá xuất kho cho xi măng PCB40 dựa trên sổ chi tiết vật liệu, sản phẩm, hàng hóa TK156 của xi măng PCB40.

Căn cứ vào P XK số 43 (biểu 2.9), P XK 44 (biểu 2.11), P XK 45 (biểu 2.12), kế toán ghi sổ Nhật ký chung (biểu 2.13):

**Biểu số 2.13: Sổ nhật ký chung tháng 12/2015**

Công ty cổ phần đầu tư thương mại Vĩnh Thịnh

Địa chỉ: Công Phú Xá - phường Đông Hải 1 – quận Hải An – TP.Hải Phòng.

**Mẫu số S03a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**TRÍCH NHẬT KÝ CHUNG**

Tháng 12/2015

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày GS	Chứng từ		Diễn Giải	SHTK	Số phát sinh	
	Số CT	Ngày CT			Nợ	Có
...	...	....	...	....	...	...
15/12	P XK43	15/12	Giá vốn bán cát đá các loại – Cty CPTMXD 325			
			Giá vốn hàng bán	632	131.210.000	
			Giá vốn mua hàng hóa	156		131.210.000
16/12	P XK44	16/12	Giá vốn bán đá 2x4– CT Nam Cường			
			Giá vốn hàng bán	632	17.000.000	
			Giá vốn mua hàng hóa	156		17.000.000
16/12	P XK45	16/12	Giá vốn bán xi măng PCB40– CT Cát Khải			
			Giá vốn hàng bán	632	52.624.000	
			Giá vốn mua hàng hóa	156		52.624.000
...	...	...	...	...	...	...
			<b>Cộng lũy kế từ đầu năm</b>		<b>124.178.180.504</b>	<b>124.178.180.504</b>

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty cổ phần đầu tư thương mại Vĩnh Thịnh)

Căn cứ số nhật kí chung như biểu 2.13 kế toán ghi vào sổ cái TK 632 (biểu 2.14):

**Biểu số 2.14:Sổ cái tài khoản 632 tháng 12 /2015**

Công ty cổ phần đầu tư thương mại Vĩnh Thịnh

Địa chỉ: Công Phú Xá - phường Đông Hải 1-quận Hải An – TP.Hải Phòng.

**Mẫu số S03b – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**TRÍCH SỔ CÁI TÀI KHOẢN**

632- Giá vốn hàng bán

Tháng 12/2015

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày GS	Chứng từ		Diễn Giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số CT	Ngày CT			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu năm</b>			
			....			
15/12	PKT43	15/12	Doanh thu bán cát đá các loại- CTCP 325	156	131.210.000	
16/12	PKT44	16/12	Doanh thu bán đá 2x4 - CT Nam Cường	156	17.000.000	
16/12	PKT45	16/12	Doanh thu bán xi măng- CT TNHH Cát Khải	156	52.624.000	
...	...	...	...	...	...	
31/12	PKT26	31/12	KC giá vốn hàng bán	911		18.393.384.556
			<b>Cộng lũy kế từ đầu năm</b>		<b>18.393.384.556</b>	<b>18.393.384.556</b>
			<b>Số dư cuối năm</b>			

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty cổ phần đầu tư thương mại Vĩnh Thịnh )

❖ ***Kế toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp tại Công ty cổ phần đầu tư thương mại Vĩnh Thịnh.***

\* Chứng từ sử dụng

- Hoá đơn GTGT
- Bảng thanh toán lương, Bảng tính và phân bổ khấu hao...
- Các chứng từ khác có liên quan

\* Tài khoản kế toán sử dụng

TK 641: Chi phí bán hàng.

TK 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp.

\* Sổ sách sử dụng

- Sổ Nhật ký chung, Sổ cái TK 641, sổ cái TK 642

\* Trình tự hạch toán kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tại công ty cổ phần đầu tư thương mại Vĩnh Thịnh.

**Ví dụ 1:** Ngày 31/12/2015, tính lương phải trả cho cán bộ công nhân viên từ đó có Bảng phân bổ lương tháng 12/2015 như biểu 2.15:

**Biểu số 2.15: Bảng phân bổ lương và bảo hiểm XH tháng 12/2015**

Công ty cổ phần đầu tư thương mại Vĩnh Thịnh

Địa chỉ: Công Phú Xá - phường Đông Hải 1 – quận Hải An – TP.Hải Phòng.

**Mẫu số 11 – LĐTL**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**TRÍCH BẢNG PHÂN BỐ TIỀN LƯƠNG VÀ BẢO HIỂM XÃ HỘI****Tháng 12/2015**

Đơn vị tính: VNĐ

Đối tượng sử dụng	Lương đóng bảo hiểm	Lương thực tế phải trả	Người sử dụng lao động chịu					Người lao động chịu				Cộng có TK 338
			BHXH 18%	BHYT 3%	BHTN 1%	KPCĐ 2%	Cộng	BHXH 8%	BHYT 1,5%	BHTN 1%	Cộng	
NV bán hàng	12.400.000	21.845.000	2.232.000	372.000	124.000	248.000	2.976.000	992.000	186.000	124.000	1.302.000	2.976.000
NV quản lí	13.268.000	18.441.000	2.388.240	398.040	132.680	265.360	3.184.320	1.061.440	199.020	132.680	1.393.140	3.184.320
<b>Cộng</b>	<b>25.668.000</b>	<b>40.291.690</b>					<b>6.240.320</b>				<b>2.695.140</b>	<b>6.240.320</b>

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty cổ phần đầu tư thương mại Vĩnh Thịnh )



**Ví dụ2:** Ngày 31/12, tính khấu hao TSCĐ Tháng 12/2015 như biểu 2.16

**Biểu số 2.16: Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ**

Công ty cổ phần đầu tư thương mại Vĩnh Thịnh

Địa chỉ: Công Phú Xá - phường Đông Hải 1 – quận Hải An – TP.Hải Phòng.

**Mẫu số 06 – TSCĐ**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**TRÍCH BẢNG TRÍCH KHẤU HAO TSCĐ**

Tháng 12/2015

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Thời gian sử dụng	Toàn doanh nghiệp		TK641	TK 642
			Nguyên giá	Số khấu hao		
1	Số khấu hao trích tháng trước	10 năm	1.171.800.000	9.765.180	4.215.670	5.549.510
2	Số khấu hao tăng tháng này			-	-	-
3	Số khấu hao giảm tháng này			-	-	-
4	Số khấu hao trích tháng này		1.171.800.000	9.765.180	4.215.670	5.549.510

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty cổ phần đầu tư thương mại Vĩnh Thịnh )



**Biểu số 2.18: Phiếu chi số 304**

Đơn vị: Công ty cổ phần đầu tư thương mại Vĩnh Thịnh

**Mẫu số 02 - TT**

Địa chỉ: Công Phú Xá – P.Đông Hải 1–Q.Hải An – TP.Hải Phòng

*(Ban hành theo Thông tư*

*số:200/2014/TT-BTC*

*ngày22/12/2014 của BTC)*

**PHIẾU CHI**

Ngày 20 tháng 12 năm 2015

Số:304

Nợ TK 641: 289.000

Nợ TK 133: 28.900

Có TK 111: 317.900

Họ tên người nhận tiền: Chu Thị Trang Linh

Địa chỉ: Công ty Cổ phần thương mại Thiên Vạn An

Lý do chi: Thanh toán tiền mua văn phòng phẩm

Viết bằng chữ: *Ba trăm mười bảy nghìn chín*  
*trăm đồng./.*

Số tiền: 317.900

Giám đốc

Kế toán

Người lập phiếu

Người nhận tiền

*(Nguồn: Phòng kế toán Công ty cổ phần đầu tư thương mại Vĩnh Thịnh )*

**Ví dụ 4:** Ngày 06 /12/2015, thanh toán tiền điện tháng 11/2015 cho Điện lực Hải Phòng bằng tiền mặt, số tiền là 1.114.500 đồng.

**Biểu số 2.19: Hoá đơn GTGT số 0002180 của Điện lực Hải Phòng**

ĐIỆN LỰC HẢI PHÒNG		HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN GTGT (Liên 2: Giao khách hàng) Từ ngày 06/11/2015 đến ngày 05/12/2015		Mẫu số: 01GTKT2/001  Ký hiệu: AA/15P Số: 0002180	
Địa chỉ: số 137,Đặng Lâm, Hải An, HP					
MST: 0200380231-002					
Mã khách hàng: LC612					
Tên khách hàng: Công ty cổ phần đầu tư thương mại Vĩnh Thịnh					
Địa chỉ khách hàng: Công Phú Xá – P.Đông Hải 1–Q.Hải An – TP.Hải Phòng					
Chỉ số mới	Chỉ số cũ	Mục đích SD	Điện năng TT	Đơn giá	Thành tiền
24.586	24.163	SH	423		
		Trong đó:			
			100	1.418	141.800
			100	1.922	192.200
			100	2.424	242.400
			100	2.910	291.000
			23	3.461	79.603
Cộng:					1.013.182
Thuế suất GTGT : 10%					101.318
Tổng cộng tiền thanh toán:					1.114.500
Số tiền bằng chữ: <i>Một triệu một trăm mười bốn ngàn năm trăm đồng./.</i>					

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty cổ phần đầu tư thương mại Vĩnh Thịnh )

**Biểu số 2.20 : Phiếu chi số 302**

Đơn vị: Công ty cổ phần đầu tư thương mại Vĩnh Thịnh  
Địa chỉ: Công Phú Xá – P.Đông Hải 1–Q.Hải An –  
TP.Hải Phòng

**Mẫu số 02 - TT**  
(Ban hành theo Thông tư  
số:200/2014/TT-BTC  
ngày22/12/2014 của BTC)

**PHIẾU CHI**

Ngày 06 tháng 12 năm 2015

Số:302

Nợ TK 642: 1.013.182

Nợ TK 133: 101.318

Có TK 111:1.114.500

Họ tên người nhận tiền: Chu Thị Trang Linh

Địa chỉ:Phú Xá – P.Đông Hải 1–Q.Hải An – TP.HP

Lý do chi: Thanh toán tiền điện tháng 11/2015

Viết bằng chữ: *Một triệu một trăm mười bốn ngàn*

Số tiền: **1.114.500** *năm trăm đồng./.*

Giám đốc

Kế toán

Người lập phiếu

Người nhận tiền

(*Nguồn: Phòng kế toán Công ty cổ phần đầu tư thương mại Vĩnh Thịnh*)

Căn cứ vào bảng phân bổ lương ( Biểu số 2.15), bảng trích khấu hao TSCĐ (Biểu số 2.16), HĐ số 0000489 ( Biểu số 2.17) và phiếu chi số 304 ( như biểu 2.18),HĐ số 0002180 ( Biểu số 2.19) và phiếu chi số 302( như biểu 2.20), Kế toán ghi sổ nhật kí chung như biểu số 2.21:

**Biểu số 2.21: Sổ nhật kí chung tháng 12/2015**

Công ty cổ phần đầu tư thương mại Vĩnh Thịnh

Địa chỉ: Công Phú Xá - phường Đông Hải 1–quận Hải An – TP.Hải Phòng.

**Mẫu số S03a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**TRÍCH NHẬT KÝ CHUNG**

Tháng 12/2015

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày GS	Chứng Từ		Diễn Giải	TK	Số phát sinh	
	Số CT	Ngày CT			Nợ	Có
...	...	....	...	....	...	...
06/12	HĐ-0002180 PC302	06/12	Thanh toán tiền điện tháng 11/2015			
			Chi phí dịch vụ mua ngoài	642	1.013.182	
			Thuế GTGT được khấu trừ	133	101.318	
			Tiền mặt	111		1.114.500
20/12	HĐ 0000489 PC 304	20/12	Mua văn phòng phẩm năm 2015			
			Chi phí bán hàng	641	289.000	
			Thuế GTGT được khấu trừ	133	28.900	
			Tiền mặt	111		317.900

31/12	BPBL – T12	31/12	Tính lương T12			
			Chi phí nhân viên bán hàng	641	21.845.800	
			Chi phí nhân viên quản lí	642	18.441.890	
			Phải trả người lao động	334		40.291.690
31/12	BPBL - 12	31/12	Các khoản trích theo lương T12			
			Chi phí nhân viên bán hàng	641	2.976.000	
			Chi phí nhân viên quản lí	642	3.184.320	
			Phải trả người lao động	334	2.695.140	
			Các khoản trích theo lương	338		6.240.320
31/12	BPBKH – T12	31/12	Trích khấu hao TSCĐ			
			Chi phí nhân viên bán hàng	641	4.215.670	
			Chi phí nhân viên quản lí	642	10.132.843	
			Hao mòn TSCĐ	214		14.348.513
	...	...	...	...	...	...
			<b>Cộng lũy kế từ đầu năm</b>		<b>124.178.180.504</b>	<b>124.178.180.504</b>

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty cổ phần đầu tư thương mại Vĩnh Thịnh )

Căn cứ sổ nhật kí chung như biểu 2.21, kế toán ghi vào sổ cái TK641(biểu 2.22)

**Biểu số 2.22: Sổ cái TK 641 tháng 12/2015**

Công ty cổ phần đầu tư thương mại Vĩnh Thịnh

Địa chỉ: Công Phú Xá - phường Đông Hải 1-quận Hải An  
- TP.Hải Phòng.

Mẫu số S03b – DN

(Ban hành theo Thông tư số  
200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**TRÍCH SỔ CÁI TÀI KHOẢN**

641- Chi phí Bán hàng

Tháng 12/2015

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số CT	Ngày CT			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu năm</b>			
			...			
20/12	PC 28	20/12	Chi phí mua văn phòng phẩm	111	317.900	
31/12	BPBL- T12	31/12	Lương NV bán hàng	334	21.845.800	
31/12	BPBL – T12	31/12	Trích lương NV bán hàng	338	4.881.900	
31/12	BPBKH- T12	31/12	Trích KHTSCĐ Cho BP bán hàng	214	4.215.600	
31/12	PKT 26	31/12	Kết chuyển Chi phí bán hàng	911		110.832.000
			<b>Cộng lũy kế từ đầu năm</b>		<b>110.832.000</b>	<b>110.832.000</b>
			<b>Số dư cuối năm</b>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty cổ phần đầu tư thương mại Vĩnh Thịnh )



Căn cứ sổ nhật kí chung như biểu 2.21, kế toán ghi vào sổ cái TK6412(biểu2.23)

**Biểu số 2.23: Sổ cái TK 642 tháng 12/2015**

Công ty cổ phần đầu tư thương mại Vĩnh Thịnh  
Địa chỉ: Công Phú Xá - phường Đông Hải 1-quận Hải An  
- TP.Hải Phòng.

Mẫu số S03b – DN  
(Ban hành theo Thông tư số  
200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**TRÍCH SỔ CÁI TÀI KHOẢN**

642– Chi phí Quản lý doanh nghiệp

Tháng 12/2015

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số CT	Ngày CT			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu năm</b>			
			...			
23/12	PC-18/12	23/12	Trả tiền điện cho bộ phận QLDN bằng TM	111	1.114.500	
31/12	BPBL – T12	31/12	Lương NV văn phòng	334	18.441.890	
31/12	BPBKH- T12	31/12	Trích lương NV văn phòng	338	3.344.600	
31/12	BPBKH- T12	31/12	Trích KH TSCĐ cho BP QLDN	214	10.132.843	
31/12	PKT 26	31/12	Kết chuyển Chi phí QLDN	911		169.490.900
			<b>Cộng lũy kế từ đầu năm</b>		<b>169.490.900</b>	<b>169.490.900</b>
			<b>Số dư cuối năm</b>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty cổ phần đầu tư thương mại Vĩnh Thịnh )

**2.2.2. Nội dung hạch toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại Công ty cổ phần đầu tư thương mại Vĩnh Thịnh.**

**❖ Kế toán doanh thu hoạt động tài chính**

*Chứng từ, sổ sách kế toán sử dụng*

- Giấy báo có của ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan
- Sổ nhật kí chung
- Sổ cái TK 515

*Tài khoản sử dụng*

TK 515- doanh thu hoạt động tài chính

**Ví dụ:** Ngày 31/12 Ngân hàng gửi phiếu báo có nội dung: Lãi tiền gửi.

Số tiền 21.123đ

Nợ TK112: 21.123

Có TK515: 21.123

**Biểu số 2.24: Giấy báo có ngân hàng BIDV**

BIDV

GIẤY BÁO CÓ

MST: 0100150619126

Số : 1789

Ngày: 31/12/2015

SỐ TÀI KHOẢN: 321-10-00-012253-2 VND

TÊN TÀI KHOẢN: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI  
VĨNH THỊNH

Ngân hàng chúng tôi xin trân trọng  
thông báo: Tài khoản của  
Quý khách hàng được ghi có với  
Nội dung sau: Lãi tiền gửi

Ngày	Số tiền	Loại tiền	Nội dung
31/12/2015	21.123	VND	Lãi tiền gửi

Giao dịch viên

Kiểm soát viên

*(Nguồn: Phòng kế toán Công ty cổ phần đầu tư thương mại Vĩnh Thịnh )***Biểu số 2.25: Phiếu kế toán số 32****PHIẾU KẾ TOÁN**

Năm 2015

Số: 32

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Nhập lãi tiền gửi ngân hàng BIDV	112	515	21.123
	<b>Cộng</b>			<b>21.123</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Người lập****Kế toán trưởng****Giám đốc***(Nguồn: Phòng kế toán Công ty cổ phần đầu tư thương mại Vĩnh Thịnh )*

Căn cứ vào Giấy báo có số 1789 (Biểu số 2.25), kế toán tiến hành ghi sổ nhật ký chung (Biểu số 2.26):

### Biểu số 2.26: Sổ nhật ký chung tháng 12/2015

Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Vĩnh Thịnh  
Địa chỉ: Công Phú Xá - phường Đông Hải 1-quận Hải An  
- TP.Hải Phòng.

Mẫu số S03a – DN  
(Ban hành theo Thông tư số  
200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## TRÍCH NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 12/2015

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày GS	Chứng Từ		Diễn Giải	SHTK	Số phát sinh	
	Số CT	Ngày CT			Nợ	Có
...	...	....	...	....	...	...
31/12	BC1789	31/12	Nhập lãi tiền gửi ngân hàng BIDV			
			Tiền gửi ngân hàng	112	21.123	
			DT hoạt động tài chính	515		21.123
...	...	...	...	...	...	...
			<b>Cộng lũy kế từ đầu năm</b>		<b>124.178.180.504</b>	<b>124.178.180.504</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty cổ phần đầu tư thương mại Vĩnh Thịnh )

Căn cứ sổ nhật kí chung như biểu 2.26, kế toán ghi vào sổ cái TK 515(biểu 2.27):

### Biểu số 2.27: Sổ cái TK 515 Tháng 12/2015

Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Vĩnh Thịnh  
Địa chỉ: Cống Phú Xá - phường Đông Hải 1-quận Hải An  
- TP.Hải Phòng.

Mẫu số S03b – DN  
(Ban hành theo Thông tư số  
200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

### TRÍCH SỔ CÁI TÀI KHOẢN

515- Doanh thu hoạt động tài chính

Tháng 12/2015

Đơn vị tính:VNĐ

Ngày GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số CT	Ngày CT			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu năm</b>			
			...			
31/12	BC 1789	31/12	Nhập lãi tiền gửi ngân hàng BIDV	112		21.123
...	...	...	...		...	
31/21	PKT25	31/21	KC doanh thu HĐTC	911	599.262	
			<b>Cộng lũy kế từ đầu năm</b>		<b>599.262</b>	<b>599.262</b>
			<b>Số dư cuối năm</b>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty cổ phần đầu tư thương mại Vĩnh Thịnh )

### 2.2.3. Nội dung hạch toán thu nhập, chi phí hoạt động khác tại Công ty cổ phần đầu tư thương mại Vĩnh Thịnh.

Trong năm 2015, công ty không phát sinh nghiệp vụ liên quan đến tăng giảm TSCĐ.

### 2.2.4. Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần đầu tư thương mại Vĩnh Thịnh.

- Chứng từ và sổ kế toán sử dụng
  - Phiếu kế toán
  - Sổ cái TK 911, TK 821, TK 421
- Tài khoản sử dụng:
  - TK911: Kết quả kinh doanh
  - TK 821: Chi phí thuế TND
  - TK421: Lợi nhuận chưa phân phối

Cuối năm, căn cứ vào số liệu trên sổ cái TK511, TK515 kế toán tiến hành lập phiếu kế toán số 33 (Biểu số 2.28) để kết chuyển doanh thu.

#### Biểu số 2.28: Phiếu kế toán số 25

#### PHIẾU KẾ TOÁN

Năm 2015

Số: 25

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511	911	18.821.233.307
2	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	599.262
	<b>Cộng</b>			<b>18.821.832.569</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty cổ phần đầu tư thương mại Vĩnh Thịnh )

Căn cứ vào số liệu trên sổ cái TK632,TK641, TK642 kế toán tiến hành lập phiếu kế toán số 26 (Biểu số 2.29) để kết chuyển chi phí kinh doanh.

**Biểu số 2.29: Phiếu kế toán số 26**

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Năm 2015

Số: 26

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	18.393.384.556
2	Kết chuyển Chi phí bán hàng	911	641	110.832.000
3	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911	642	169.490.900
	<b>Cộng</b>			<b>18.673.706.456</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty cổ phần đầu tư thương mại Vĩnh Thịnh )

Căn cứ vào sổ cái TK 911 kế toán tiến hành lập Phiếu kế toán số 27 (Biểu số 2.30) phản ánh thuế TNDN phải nộp.

**Biểu số 2.30: Phiếu kế toán số 27**

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Năm 2015

Số: 27

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Thuế TNDN phải nộp năm 2015	821	3334	29.624.943
	<b>Cộng</b>			<b>29.624.943</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty cổ phần đầu tư thương mại Vĩnh Thịnh )

Căn cứ vào sổ cái TK821, kế toán lập Phiếu kế toán số 28 (Biểu số 2.31) phản ánh việc kết chuyển chi phí thuế năm 2015

**Biểu số 2.31: Phiếu kế toán số 28**

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Năm 2015

Số: 28

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển thuế TNDN phải nộp	911	821	29.624.943
	<b>Cộng</b>			<b>29.624.943</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty cổ phần đầu tư thương mại Vĩnh Thịnh )

Căn cứ vào sổ cái TK 911 kế toán lập phiếu kế toán số 29 (Biểu số 2.32) phản ánh kết chuyển lợi nhuận sau thuế.

**Biểu số 2.32: Phiếu kế toán số 29**

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Năm 2015

Số: 29

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Lợi nhuận sau thuế năm 2015	911	421	118.499.770
	<b>Cộng</b>			<b>118.499.770</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty cổ phần đầu tư thương mại Vĩnh Thịnh )



Căn cứ vào Phiếu kế toán số 25, 26, 27, 28, 29 kế toán ghi vào sổ nhật ký chung (Biểu số 2.33)

**Biểu số 2.33: Sổ nhật ký chung tháng 12/2015**

Công ty cổ phần đầu tư thương mại Vĩnh Thịnh  
Địa chỉ: Công Phú Xá - phường Đông Hải 1 – quận Hải An – TP.Hải Phòng.

**Mẫu số S03a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**TRÍCH SỔ NHẬT KÝ CHUNG**  
Năm 2015

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày GS	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số phát sinh	
	Số CT	Ngày CT			Nợ	Có
	....	...	...		...	...
31/12	PKT25	31/12	KC doanh thu			
			Doanh thu bán hàng hóa	511	18.821.233.307	
			Doanh thu hoạt động tài chính	515	599.262	
			Xác định kết quả kinh doanh	911		18.821.832.569
31/12	PKT26	31/12	KC chi phí			
			Xác định kết quả kinh doanh	911	18.673.706.456	
			Giá vốn hàng bán	632		18.393.384.556
			Chi phí bán hàng	641		110.832.000
			Chi phí QLDN	642		169.490.900

31/12	PKT27	31/12	Chi phí thuế TNDN phải nộp			
			Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	821	29.624.943	
			Thuế TNDN phải nộp	3334		29.624.943
31/12	PKT28	31/12	KC thuế TNDN phải nộp			
			Xác định kết quả kinh doanh	911	29.624.944	
			Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	821		29.624.944
31/12	PKT29	31/12	Lợi nhuận sau thuế			
			Xác định kết quả kinh doanh	911	118.499.770	
			Lợi nhuận chưa phân phối	421		118.499.770
			<b>Cộng lũy kế từ đầu năm</b>		<b>124.178.180.504</b>	<b>124.178.180.504</b>

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty cổ phần đầu tư thương mại Vĩnh Thịnh )

Căn cứ vào sổ Nhật ký chung, kế toán ghi vào sổ cái TK511 (Biểu số 2.8), sổ cái TK515(Biểu số 2.27),sổ cái TK 632( Biểu số2.14),sổ cái TK641(Biểusố2.22),sổ cái TK642 (Biểusố2.23).

Căn cứ vào sổ nhật ký chung( Biểu 2.33), kế toán ghi Sổ cái TK 911 (Biểu số 2.39).

### Biểu số 2.39: Sổ cái TK 911 tháng 12/2015

Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Vĩnh Thịnh  
Địa chỉ: Công Phú Xá - phường Đông Hải 1-quận Hải An  
– TP.Hải Phòng.

Mẫu số S03b – DN  
(Ban hành theo Thông tư số  
200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

### TRÍCH SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tháng 12 năm 2015

TK 911 : Xác định kết quả kinh doanh

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số CT	Ngày CT			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu năm</b>			
...	...	...	...		...	...
31/12	PKT25	31/12	KC doanh thu bán hàng	511		18.821.233.307
31/12	PKT25	31/12	KC doanh thu HĐTC	515		599.262
31/12	PKT26	31/12	KC giá vốn hàng bán	632	18.393.384.556	
31/12	PKT26	31/12	KC chi phí bán hàng	641	110.832.000	
31/12	PKT26	31/12	KC chi phí quản lý DN	642	169.490.900	
31/12	PKT28	31/12	KC thuế TNDN phải nộp	821	29.624.943	
31/12	PKT29	31/12	KC lợi nhuận sau thuế	421	118.499.770	
			<b>Cộng số lũy kế từ đầu năm</b>		<b>18.821.832.569</b>	<b>18.821.832.569</b>
			<b>Số dư cuối kỳ</b>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Giám đốc

Người lập

Kế toán trưởng

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty cổ phần đầu tư thương mại Vĩnh Thịnh )

Căn cứ vào sổ nhật ký chung( Biểu 2.33), kế toán ghi Sổ cái TK 421 (Biểu số 2.40).

### Biểu số 2.40: Sổ cái TK 421 tháng 12/2015

Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Vĩnh Thịnh  
Địa chỉ: Công Phú Xá - phường Đông Hải 1-quận Hải An  
– TP.Hải Phòng.

Mẫu số S03b – DN  
(Ban hành theo Thông tư số  
200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

### TRÍCH SỔ CÁI TÀI KHOẢN

421- Lợi nhuận chưa phân phối

Tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số CT	Ngày CT			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu năm</b>			
			...			
31/12	PKT29	31/12	KC lãi lỗ	911		118.499.770
			<b>Cộng số lũy kế từ đầu năm</b>		<b>118.499.770</b>	<b>118.499.770</b>
			<b>Số dư cuối kỳ</b>			<b>118.499.770</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Giám đốc

Người lập

Kế toán trưởng

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty cổ phần đầu tư thương mại Vĩnh Thịnh )

Căn cứ vào sổ nhật ký chung( Biểu 2.33), kế toán ghi Sổ cái TK 821 (Biểu số 2.41)

### Biểu số 2.41: Sổ cái TK 821 tháng 12/2015

Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Vĩnh Thịnh  
Địa chỉ: Công Phú Xá - phường Đông Hải 1-quận Hải An  
– TP.Hải Phòng.

Mẫu số S03b – DN  
(Ban hành theo Thông tư số  
200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## TRÍCH SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tháng 12 năm 2015

TK 821 : Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số CT	Ngày CT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			...			
31/12	PKT27	31/12	Thuế TNDN phải nộp năm 2015	3334	29.624.943	
31/12	PKT28	31/12	Kết chuyển thuế TNDN năm 2015	911		29.624.943
			<b>Cộng số lũy kế từ đầu năm</b>		<b>29.624.943</b>	<b>29.624.943</b>
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Giám đốc

Người lập

Kế toán trưởng

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty cổ phần đầu tư thương mại Vĩnh Thịnh )

Căn cứ số cái các tài khoản kế toán lập bảng cân đối số phát sinh ( Biểu 2.24).

**Biểu số 2.42: Bảng cân đối số phát sinh năm 2015**

Công ty cổ phần đầu tư thương mại Vĩnh Thịnh

Địa chỉ: Công Phú Xá - phường Đông Hải 1–quận Hải An – TP.Hải Phòng.

Mẫu số S06 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢNG CÂN ĐỐI SỐ PHÁT SINH**

Năm 2015

Đơn vị tính: VNĐ

Tên tài khoản	SH TK	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
.....	...	...	....	...	...	....	...
Lợi nhuận chưa phân phối	421				118.499.770		118.499.770
Doanh thu bán hàng	511			18.821.233.307	18.821.233.307		
Doanh thu tài chính	515			599.262	599.262		
Giá vốn hàng bán	632			18.393.384.556	18.393.384.556		
Chi phí bán hàng	641			110.832.000	110.832.000		
Chi phí quản lý DN	642			169.490.900	169.490.900		
Chi phí thuế TNDN	821			29.624.943	29.624.943		
Xác định kết quả KD	911			18.821.832.569	18.821.832.569		
<b>Tổng cộng</b>		<b>9.735.773.146</b>	<b>9.735.773.146</b>	<b>167.911.882.257</b>	<b>167.911.882.257</b>	<b>4.624.112.872</b>	<b>4.624.112.872</b>

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty cổ phần đầu tư thương mại Vĩnh Thịnh )

Căn cứ vào bảng cân đối số phát sinh (như biểu 3.42), kê toán lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như biểu 3.43

### Biểu số 2.43: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Vĩnh Thịnh

Địa chỉ: Công Phú Xá - phường Đông Hải 1-quận Hải An  
- TP.Hải Phòng.

Mẫu số B02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số  
200/2014/TT-BTC ngày  
22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2015

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch	01	VI.25	18.821.233.307	16.151.258.626
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)			18.821.233.307	16.151.258.626
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	18.393.384.55	15.890.933.744
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)			428.848.751	261.324.882
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	599.262	566.599
7. Chi phí tài chính	22	VI.28		
- trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8. Chi phí bán hàng	24		110.832.000	70.546.000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		169.490.900	100.500.850
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh			148.124.717	92.844.631
11. Thu nhập khác	31			
12. Chi phí khác	32			
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40			

14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		148.124.717	92.844.631
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.31	29.624.943	18.568.926
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.32		
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50-51-52)	60		118.499.770	74.275.705
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70			

*(Nguồn: Phòng kế toán Công ty cổ phần đầu tư thương mại Vĩnh Thịnh )*



## CHƯƠNG 3

# MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI VĨNH THỊNH

**3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả nói riêng tại Công ty cổ phần đầu tư thương mại Vĩnh Thịnh.**

### **3.1.1 Ưu điểm**

**❖ Về việc tổ chức bộ máy kế toán:**

- Xuất phát từ đặc điểm kinh doanh và hệ thống kinh doanh của mình, Công ty đã xây dựng bộ máy kế toán riêng cho mình.

- Công ty tổ chức kế toán theo mô hình tập trung phù hợp với quy mô kinh doanh, yêu cầu quản lý của Công ty. Hình thức này gọn nhẹ, đảm bảo công tác kế toán được thực hiện một cách thống nhất, thuận tiện cho việc kiểm tra, giám sát của Ban Giám đốc công ty. Việc tổ chức công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng được thực hiện theo một trình tự có tính thống nhất cao, việc tập hợp số liệu một cách chính xác. Qua đó, Ban Giám đốc có thể nắm bắt kịp thời tình hình kinh doanh của công ty, từ đó đưa ra các quyết định, chiến lược kinh doanh phù hợp, đúng đắn trong các kỳ kinh doanh tiếp theo.

- Đội ngũ kế toán có trình độ cao, có kinh nghiệm gồm một kế toán trưởng và một kế toán viên có thể hỗ trợ, giúp đỡ nhau tạo thành một khối thống nhất đảm bảo công tác kế toán được thực hiện nhịp nhàng và hiệu quả cao.

- Thông tin kế toán phản ánh kịp thời, đầy đủ chính xác nên việc đối chiếu kiểm tra số liệu giữa các bộ phận kinh doanh và lập báo cáo tài chính được thuận lợi và thực hiện dễ dàng, đồng thời giúp cho công tác quản lý doanh nghiệp đạt hiệu quả cao.

❖ **Về việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:**

- **Về hệ thống chứng từ của công ty:** Chứng từ sử dụng cho việc hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ kinh tế phát sinh, đúng với mẫu do bộ tài chính quy định. Quy trình hạch toán chứng từ khá nhanh chóng và kịp thời.

- **Về sổ sách kế toán:** Các sổ sách kế toán được thực hiện rõ ràng sạch sẽ và được lưu trữ theo các chuẩn mực và quy định chung của nhà nước. Công ty áp dụng hình thức ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung, hình thức này có ưu điểm cơ bản là ghi chép đơn giản, kết cấu sổ đơn giản, số liệu kế toán dễ đối chiếu, dễ kiểm tra. Đặc biệt Công ty thuộc loại doanh nghiệp vừa và nhỏ thì hình thức này rất phù hợp.

- **Về công tác kế toán doanh thu:** Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng đều được kế toán ghi nhận một cách chi tiết, đầy đủ và kịp thời, đảm bảo nguyên tắc phù hợp khi ghi nhận doanh thu và chi phí phát sinh.

- **Về công tác kế toán chi phí:** Chi phí là một vấn đề luôn được các nhà quản lý quan tâm, cân nhắc và muốn tìm mọi cách để quản lý chặt chẽ chi phí nhằm tránh lãng phí, làm giảm lợi nhuận. Bởi vậy, công tác hạch toán chi phí tại công ty bước đầu đã đảm bảo được tính chính xác, đầy đủ và kịp thời khi phát sinh.

- **Về công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh:** Công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty đã phần nào đáp ứng được yêu cầu của Ban giám đốc công ty trong việc cung cấp thông tin về tình hình kinh doanh của công ty một cách kịp thời và chính xác.

- **Về hệ thống tài khoản sử dụng:** Công ty áp dụng hệ thống tài khoản thống nhất theo chế độ báo cáo tài chính doanh nghiệp ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ tài chính và các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ tài chính ban hành và các thông tư hướng dẫn sửa đổi, bổ sung là hoàn toàn phù hợp với loại hình doanh nghiệp vừa và nhỏ.

### 3.1.2. Hạn chế

Bên cạnh những kết quả đã đạt được thì công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty còn tồn tại một số hạn chế như sau:

- **Về chính sách áp dụng trong bán hàng:**

Công ty không áp dụng chính sách ưu đãi (chiết khấu thương mại) trong bán hàng phần nào sẽ làm giảm lượng khách hàng đến với công ty, từ đó làm giảm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ. Công ty cần đa dạng hơn nữa các hình thức bán hàng để mở rộng mạng lưới phân phối.

- **Về hạch toán chi tiết doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh:**

Công ty chưa tiến hành lập Sổ chi tiết bán hàng cho từng mặt hàng. Làm cho công ty không theo dõi được cụ thể chi tiết doanh thu của từng mặt hàng. Do đó, không xác định được lãi gộp của từng mặt hàng. Vì vậy không có cơ sở để lựa chọn cơ cấu mặt hàng tối ưu.

- **Về quá trình luân chuyển chứng từ:**

Việc luân chuyển chứng từ giữa các bộ phận, phòng ban về cơ bản là đúng trình tự. Tuy nhiên trong quá trình luân chuyển, giữa các đơn vị này không có biên bản giao nhận chứng từ, điều này sẽ gây khó khăn trong việc giải quyết và quy trách nhiệm trong trường hợp chứng từ bị mất, bị thất lạc.

- **Về Công tác ghi chép sổ sách kế toán:**

Hiện tại công tác kế toán tại đơn vị được thực hiện một cách thủ công, tiến hành làm việc trên Excel nên việc phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh, luân chuyển chứng từ vẫn còn chậm, dễ nhầm lẫn, thiếu sót.

Trong thời kỳ công nghệ thông tin ngày càng phát triển, phần mềm kế toán được áp dụng nhiều trong kế toán, điều này mang lại hiệu quả và tính chính xác cao. Do vậy, công ty nên sử dụng phần mềm kế toán phù hợp với đặc điểm kinh doanh, loại hình của doanh nghiệp mình để góp phần nâng cao hiệu quả trong quản lý cũng như tiết kiệm được thời gian, công sức trong việc ghi sổ sách, tính toán số liệu.

### 3.2. Tính thiết yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh.

Trong cơ chế thị trường hiện nay, việc cạnh tranh gay gắt cũng như sự biến đổi liên tục của nền kinh tế dẫn đến kết quả tất yếu là các doanh nghiệp luôn phải có những chính sách hoạt động hợp ký, thích hợp, xác định đúng mục tiêu và phương hướng phát triển. Chỉ có như vậy các doanh nghiệp mới có cơ hội tồn tại. Muốn vậy các doanh nghiệp trước hết phải hoàn thiện không ngừng đổi mới công tác kế toán sao cho phù hợp với yêu cầu quản lý vì công cuộc đổi mới hiện nay.

Bộ phận kế toán với chức năng cung cấp thông tin cho quản lý và đánh giá hoạt động kinh doanh của công ty luôn là bộ phận quan trọng của bất kỳ công ty nào. Vì vậy việc nâng cao công tác quản lý, cung cấp thông tin kịp thời, việc hoàn thiện công tác kế toán nói chung cũng như hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty là rất cần thiết.

### **3.3. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần đầu tư thương mại Vĩnh Thịnh.**

Mục đích của các doanh nghiệp là kinh doanh có hiệu quả, tiết kiệm chi phí để đem lại lợi nhuận cao nên việc hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cũng là một trong những nội dung cần làm để đạt được mục tiêu này của các doanh nghiệp nói chung và của công ty nói riêng.

Yêu cầu đặt ra trong công tác hoàn thiện tổ chức kế toán tại công ty là kịp thời áp dụng các phần mềm kế toán mới nhất, các thông tư mới nhất..., phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp mình. Hạch toán đầy đủ, chính xác theo chuẩn mực, không chỉ thể hiện tính nghiêm túc, chấp hành pháp luật mà còn có vai trò quan trọng trong công tác quản lý chi phí cũng như quản lý doanh nghiệp.

Cơ sở để hoàn thiện tổ chức kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh như:

+ Đảm bảo sự tiết kiệm và hiệu quả trong việc tổ chức công tác kế toán ở doanh nghiệp nhưng vẫn đảm bảo thực hiện tốt các chức năng, nhiệm vụ của kế toán.

+ Đảm bảo tuân thủ thống nhất chế độ kế toán do Bộ Tài Chính ban hành

+ Đảm bảo thực hiện tốt chức năng thông tin cho nhà quản lý vì mục tiêu của việc hoàn thiện công tác kế toán là cung cấp thông tin kịp thời, chính xác để nhà quản trị đưa ra các quyết định đúng đắn.

+ Đảm bảo sự phù hợp giữa đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh và tổ chức quản lý của doanh nghiệp với chế độ kế toán chung.

### **3.4. Nội dung giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần đầu tư thương mại Vĩnh Thịnh.**

#### **3.4.1. Kiến nghị 1: Về chính sách áp dụng trong bán hàng**

Để có thể thu hút được khách hàng mới mở rộng thị trường tiêu thụ và vẫn giữ được những khách hàng cũ nhằm tăng doanh thu lợi nhuận công ty nên xây dựng các chính sách ưu đãi chiết khấu thương mại phù hợp với tình hình tại công ty.

*Theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ tài chính.*

Chiết khấu thương mại: là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn. Bên bán hàng thực hiện kế toán chiết khấu thương mại theo những nguyên tắc sau:

- Trường hợp trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng đã thể hiện khoản chiết khấu thương mại cho người mua là khoản giảm trừ vào số tiền người mua phải thanh toán (giá bán phản ánh trên hoá đơn là giá đã trừ chiết khấu thương mại) thì doanh nghiệp (bên bán hàng) không sử dụng tài khoản này, doanh thu bán hàng phản ánh theo giá đã trừ chiết khấu thương mại (doanh thu thuần).

- Kế toán phải theo dõi riêng khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp chi trả cho người mua nhưng chưa được phản ánh là khoản giảm trừ số tiền phải

thanh toán trên hóa đơn. Trường hợp này, bên bán ghi nhận doanh thu ban đầu theo giá chưa trừ chiết khấu thương mại (doanh thu gộp). Khoản chiết khấu thương mại cần phải theo dõi riêng trên tài khoản này thường phát sinh trong các trường hợp như:

+ Số chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng được ghi trên hoá đơn lần cuối cùng. Trường hợp này có thể phát sinh do người mua hàng nhiều lần mới đạt được lượng hàng mua được hưởng chiết khấu và khoản chiết khấu thương mại chỉ được xác định trong lần mua cuối cùng.

+ Các nhà sản xuất cuối kỳ mới xác định được số lượng hàng mà nhà phân phối (như các siêu thị) đã tiêu thụ và từ đó mới có căn cứ để xác định được số chiết khấu thương mại phải trả dựa trên doanh số bán hoặc số lượng sản phẩm đã tiêu thụ.

- Chiết khấu thương mại do công ty xây dựng phải dựa trên:

1. Chính sách chiết khấu thương mại được xây dựng dựa theo chiến lược kinh doanh từng thời kỳ của doanh nghiệp.

2. Công ty có thể tham khảo chiết khấu thương mại của DN cùng ngành

- Để xác định mức chiết khấu thương mại Công ty có thể dựa trên Điều 5, điều 6 Nghị định số 37/2006/NĐ-CP của Chính phủ : Quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại.

Với việc áp dụng chính sách chiết khấu thương mại trong tiêu thụ hàng hóa không những công ty có thể giữ được những khách hàng truyền thống mà còn có thể tăng lượng khách hàng mới trong tương lai vì có sự ưu đãi của công ty trong việc bán hàng, giúp thúc đẩy quá trình tiêu thụ tăng năng lực cạnh tranh trên thị trường.

- Phương pháp hạch toán:

+ Phản ánh số chiết khấu thương mại thực tế phát sinh trong kỳ, ghi:

Nợ TK 521 - Chiết khấu thương mại

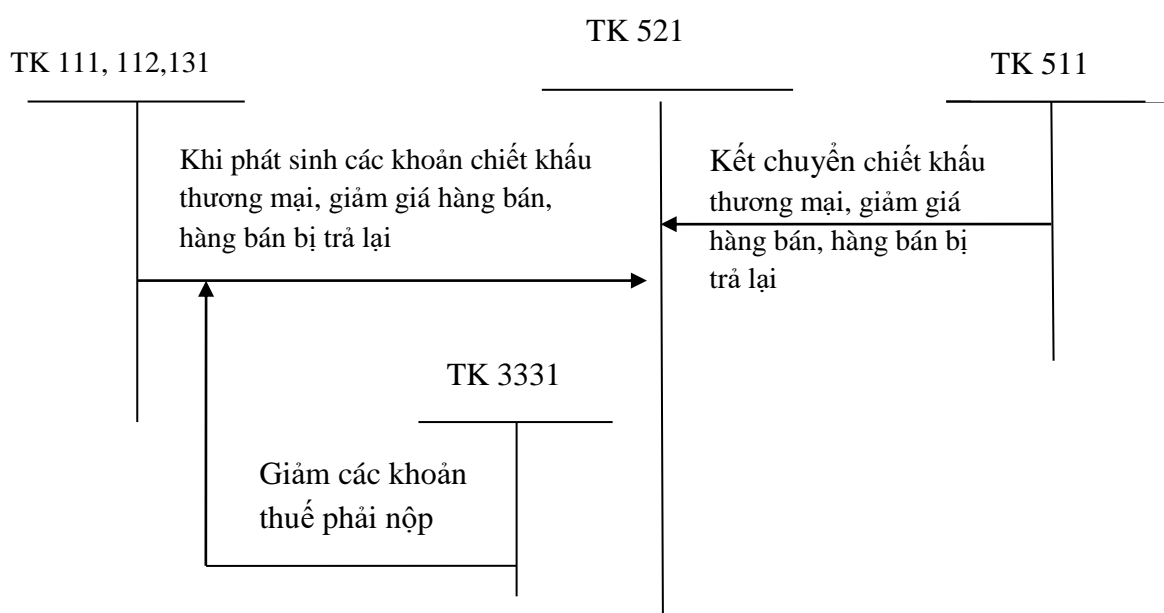
Nợ TK 3331 - Thuế GTGT được khấu trừ (33311) (Nếu có)

Có các TK 111, 112, 131, . . .

+ Cuối kỳ, kết chuyển số chiết khấu thương mại đã chấp thuận cho người mua phát sinh trong kỳ sang tài khoản doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, ghi:

Nợ TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 521 - Chiết khấu thương mại.



### Sơ đồ 3.1: Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

**Ví dụ minh họa:** Công ty có chính sách bán hàng áp dụng từ 1/11/2015 đến 30/11/2015 như sau:

Số lượng mua (tấn)	Tỷ lệ chiết khấu/ Tổng giá bán (Chưa VAT)
200 -> 300	2%
300 -> 400	3%
401 -> 500	4%
> 500	5%

Trong tháng 11 bán vật liệu xây dựng cho Công ty đầu tư và xây dựng Việt Thắng.

**Trường hợp 1:** Mua hàng với khối lượng lớn được hưởng chiết khấu thương mại, giá bán phản ánh trên hóa đơn là giá đã được giảm.

Ngày 5/11, Công ty đầu tư và xây dựng Việt Thắng mua 200 tấn xi măng PCB40, giá bán 1.150.000đ/ tấn chưa gồm thuế GTGT. Thanh toán ngay bằng chuyển khoản.

Vì giá trên hóa đơn là giá đã giảm nên trường hợp này trên hóa đơn sẽ không thể hiện khoản chiết khấu thương mại.

Kế toán ghi nhận doanh thu:

Nợ TK 112: 247.940.000

Có TK 511: 225.400.000

Có TK 3331: 22.540.000

**Trường hợp 2:** Khách hàng mua nhiều lần mới đạt được lượng hàng hưởng chiết khấu.

Lần 1: Ngày 5/11, Công ty đầu tư và xây dựng Việt Thắng mua 100 tấn xi măng PCB40, giá bán 1.150.000đ/ tấn chưa gồm thuế GTGT. Thanh toán ngay bằng chuyển khoản.

Kế toán ghi nhận doanh thu:

Nợ TK 112: 126.500.000

Có TK 511: 115.000.000

Có TK 3331: 11.500.000

Lần 2: Ngày 20/11, Công ty đầu tư và xây dựng Việt Thắng mua thêm 150 tấn, chưa thanh toán. Đã đủ điều kiện chiết khấu nhưng công ty Việt Thắng hẹn sẽ mua thêm xi măng trong tháng 11.

Kế toán ghi nhận doanh thu:

Nợ TK 131: 189.750.000

Có TK 511: 172.500.000

Có TK 3331: 17.250.000

Cho đến ngày 30/11 Công ty Việt Thắng không mua thêm hàng. Kế toán tính số tiền chiết khấu thương mại để trả cho Công ty Việt Thắng.

Nợ TK 521: 5.750.000

Nợ TK 3331: 575.000

Có TK 111: 6.325.000

Cuối kì kết chuyển kế toán ghi:

Nợ TK 511 : 5.750.000

Có TK 521: 5.750.000



### ***3.4.2. Kiến nghị 2: Về hạch toán chi tiết doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh.***

Để phục vụ cho công tác hạch toán chi tiết doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh công ty nên:

- Lập sổ chi tiết bán hàng cho từng mặt hàng sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc theo dõi doanh thu, giá vốn và lợi nhuận gộp từng mặt hàng giúp cho các nhà quản trị thấy được tình hình tiêu thụ của từng sản phẩm. Từ đó sẽ giúp các nhà quản lý doanh nghiệp quyết định xem nên mở rộng kinh doanh mặt hàng nào, thu hẹp hay ngừng kinh doanh mặt hàng nào.

Ban lãnh đạo Công ty sẽ nắm bắt được cơ cấu mặt hàng, nắm bắt được mặt hàng nào đem lại lợi nhuận gộp cao nhất. Công ty biết được mặt hàng nào đem lại lợi nhuận cao để từ đó đẩy mạnh.

Em xin đưa ra mẫu Sổ chi tiết doanh thu bán hàng (ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC) như sau:

**Biểu 3.1: Sổ Chi Tiết Bán Hàng**

Đơn vị : .....

Địa chỉ : .....

**Mẫu số S35-DN**

(Ban hành theo Thông tư

số 200/2014/TT - BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ BTC)

**SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG**

Tài khoản:...

Tên sản phẩm (hàng hoá ,dịch vụ,bắt đầu sản đầu tư):.....

Từ ngày .... đến ngày ....

*Đơn vị tính: đồng*

Ngày GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	SH	Ngày			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (5211, 5212, 5213)
A	B	C	D	E	1	2	3=1x2	4	5
			Cộng số phát sinh						
			- Doanh thu thuần						
			- Giá vốn hàng bán						
			- Lãi gộp						

- Sổ này có .....trang, đánh từ trang 01 đến trang.....

- Ngày mở sổ: .....

*Ngày.....tháng....năm....*

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

- Lập sổ chi phí sản xuất kinh doanh cho TK 632 như biểu 3.2 sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc theo dõi giá vốn tương ứng của từng mặt hàng đã được mở ở sổ chi tiết bán hàng, làm căn cứ cho việc xác định lợi nhuận gộp của từng mặt hàng.

Sau đây em xin trình bày mẫu sổ chi phí sản xuất kinh doanh như sau:

### **Biểu số 3.2: Sổ chi phí sản xuất kinh doanh**

Đơn vị: ...

**Mẫu số S36-DN**

Địa chỉ:....  
BTC

( Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT

Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

### **SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH**

( Dùng cho các TK 621, 622, 623, 627,154,631,642,142,335,242,632)

-Tài khoản:.....

-Tên phân xưởng:.....

-Tên sản phẩm, dịch vụ:.....

Ngày GS	Chứng		Diễn giải	TKĐƯ	Ghi Nợ tài khoản..				
	SH	Ngày			Tổng số tiền	Chia ra			
						...	...	...	...
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
			Số dư đầu kỳ						
			Số phát sinh trong kỳ						
			Ghi Có TK						
			Cộng SPS trong kỳ						
			Số dư cuối kỳ						

-Sổ này có... trang, đánh số từ trang 01 đến trang...

Ngày tháng năm

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Khi công tác kế toán quản lý được chi tiết, cụ thể từng mặt hàng doanh thu, từng chi phí sản xuất kinh doanh thì Công ty Cổ phần đầu tư thương mại Vĩnh Thịnh sẽ quản lý được tốt hơn, đầy đủ hơn doanh thu, chi phí, hạn chế việc nhầm lẫn, sai sót gây ảnh hưởng đến việc xác định kết quả kinh doanh của Công ty chưa thực sự chuẩn xác.

**Lấy lại ví dụ 2 ở phần doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, giá vốn hàng bán và chi phí quản lý doanh nghiệp.**

Căn cứ vào Hoá đơn GTGT số 0000238 xuất bán hàng cho Công ty TNHH TM & XD Nam Cường, kế toán tiến hành nhập vào các sổ sách liên quan (như trên), sau khi nhập vào sổ chi tiết TK 511 kế toán nhập vào Sổ chi tiết bán hàng (Biểu số 3.2).

**Biểu 3.3: Sổ Chi Tiết Bán Hàng**

**Đơn vị :** CT CP ĐTTM Vĩnh Thịnh

**Địa chỉ :** Phú xa-Đông Hải 1-Hải An-HP

**Mẫu số S35-DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ BTC)

**SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG**

Tài khoản: 511

Tên sản phẩm (hàng hoá ,dịch vụ,bắt đầu sản đầu tư): Đá 2x4

Từ ngày : 01/12/2015 đến ngày 31/12/2015

*Đơn vị tính: đồng*

Ngày GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	SH	Ngày			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác
A	B	C	D	E	1	2	3=1x2	4	5
			...			...	...	...	
16/12	HĐ000 0238	16/12	Bán hàng đã thu bằng tiền mặt	111	100	175.000	17.500.000	1.750.000	
	...		...			...	...	...	
			Cộng số phát sinh				336.829.000		
			- Doanh thu thuần				336.829.000		
			- Giá vốn hàng bán				293.844.000		
			- Lãi gộp				42.985.000		

- Sổ này có .....trang, đánh từ trang 01 đến trang.....

- Ngày mở sổ: .....

Căn cứ vào các phiếu xuất kho số 44 như biểu 2.11, kế toán ghi vào sổ chi

phí sản xuất kinh doanh mở cho mặt hàng đá 2x4 như biểu 3.4.

### **Biểu số 3.4: Sổ chi phí sản xuất kinh doanh**

Đơn vị: CT CP ĐTTM Vĩnh Thịnh

Mẫu số S36-DN

Địa chỉ: Phú xa-Đông Hải 1-Hải An-HP  
BTC

( Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-

Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng

BTC)

### **SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH**

-Tài khoản: 632

-Tên sản phẩm, dịch vụ: Đá 2x4

Ngày GS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Ghi Nợ TK 632
	SH	Ngày			
A	B	C	D	E	1
			Số dư đầu kỳ		
			Số phát sinh trong kỳ		
			...		...
16/12	PX44	16/12	Bán hàng thi bằng tiền mặt	156	170.000
			...		...
			Ghi Có TK 632	911	293.844.000
			Cộng SPS trong kỳ		293.844.000
			Số dư cuối kỳ		

-Sổ này có... trang, đánh số từ trang 01 đến trang...

- Ngày mở sổ: .....

#### **3.4.3. Kiến nghị 3: Về quy trình luân chuyển chứng từ**

Quá trình luân chuyển chứng từ, giữa các đơn vị không có biên bản giao nhận chứng từ, điều này sẽ gây khó khăn trong việc giải quyết và quy trách nhiệm trong trường hợp chứng từ bị mất , bị thất lạc.

Để hạn chế việc mất mát hủy bỏ sót khi giao nhận chứng từ và dễ dàng quy trách nhiệm cũng như tìm lại chứng từ trong trường hợp bị thất lạc, khi giao nhận chứng từ giữa các phòng ban cần có phiếu giao nhận chứng từ.

Mẫu Phiếu giao nhận chứng từ như biểu 3.5

**Biểu u số 3.5: Phiếu giao nhận chứng từ**

Công Ty CP Đầu Tư Thương Mại Vĩnh Thịnh

Địa chỉ: Phú Xá – Đông Hải – Hải An – Hải Phòng

**PHIẾU GIAO NHẬN CHỨNG TỪ**

Ngày tháng	Loại chứng từ	Số hiệu	Ký tên	
			Bên giao	Bên nhận

**3.4.4. Kiến nghị 4: Về ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kế toán**

Kế toán làm trên máy dùng bảng tính excel tuy đã tiết kiệm thời gian song đôi khi vẫn còn tồn tại những nhầm lẫn về số liệu, gây ra sai sót không đáng có.

Vì vậy, để giảm tải khối lượng công việc, tránh sai lệch số liệu, tiết kiệm thời gian, công sức, tiết kiệm nguồn nhân lực, tăng cường tính chuyên nghiệp cho nhân sự Công ty nên áp dụng phần mềm kế toán thay vì làm việc thủ công như trước kia.

Giải pháp này đảm bảo đơn vị sẽ xây dựng được công tác kế toán hoàn thiện, chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được ghi nhận kịp thời, nhanh gọn, giúp báo cáo kế toán chính xác và có độ tin cậy cao. Hiện nay, trên thị trường có rất nhiều phần mềm kế toán phù hợp với hoạt động của doanh nghiệp như: MISA, FAST, BRAVO, GAMA,....

Dưới đây là ví dụ giao diện phần mềm kế toán MISA và FAST:

## Phần mềm kế toán Misa:



**Hình 3.1** Giao diện hoạt động phần mềm kế toán máy MISA SME.NET 2015

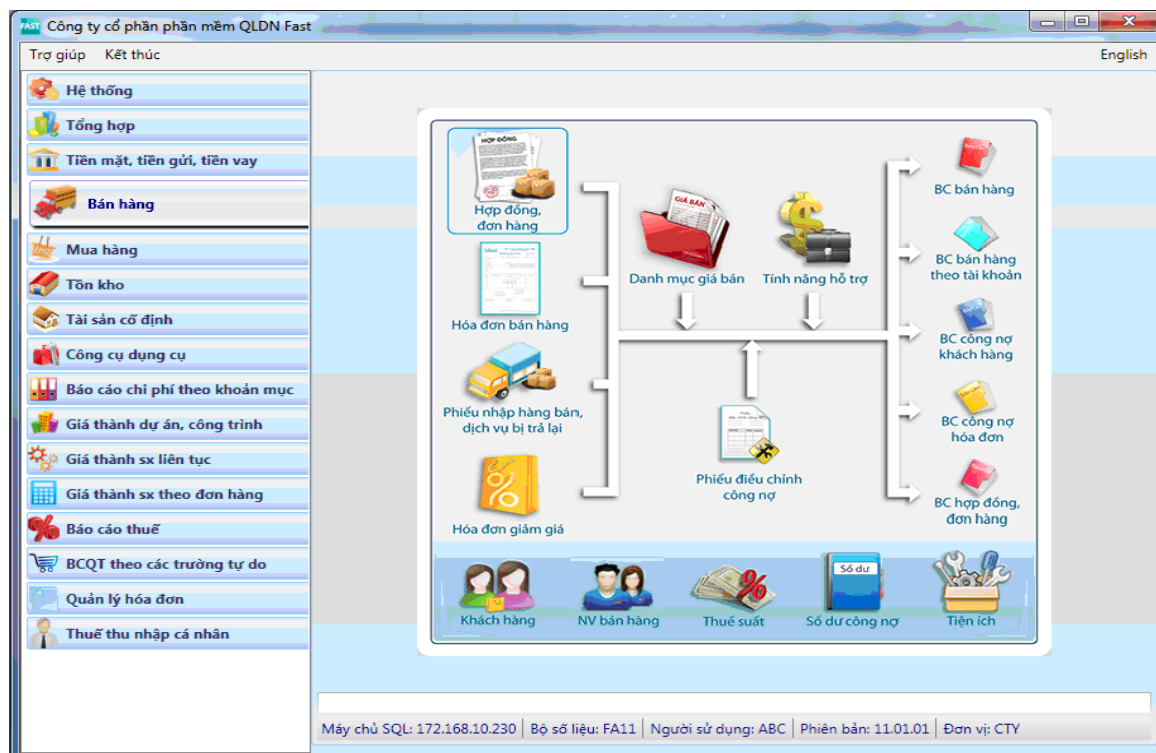
Thông tin về các gói sản phẩm của MISA: phần mềm kế toán MISA SME.NET 2015 là phần mềm kế toán dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ phù hợp triển khai cho doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực: thương mại, dịch vụ, xây lắp, sản xuất với các gói sản phẩm như Express, Starter, Standard, Professional, Enterprise.

- Thông tin về giá cả các gói sản phẩm là:

Gói sản phẩm	Đơn giá	Mô tả
Express	Miễn phí	Đầy đủ 16 phân hệ, số lượng chứng từ được nhập vào phần mềm tối đa là 150 chứng từ/năm.
Starter	2.950.000 đồng	Đầy đủ 16 phân hệ, số lượng chứng từ được nhập vào phần mềm tối đa là 150 chứng từ/năm.
Standard	6.950.000 đồng	Gồm 11 phân hệ, không giới hạn số lượng chứng từ nhập vào phần mềm hàng tháng.
Professional	8.950.000 đồng	Gồm 13 phân hệ, không giới hạn số lượng chứng từ nhập vào phần mềm hàng tháng.
Enterprise	10.950.000 đồng	Đầy đủ 16 phân hệ, không giới hạn số lượng chứng từ nhập vào phần mềm hàng tháng.

- Thông tin đơn vị cung cấp phần mềm: Công ty cổ phần Misa (MISA JSC).  
Liên hệ: [www.misa.com.vn](http://www.misa.com.vn)

Hay phần mềm kế toán FAST:



**Hình 3.2: Giao diện hoạt động phần mềm kế toán máy FAST**

- Thông tin về các gói sản phẩm của FAST: FAST Accounting là phần mềm kế toán dành cho doanh nghiệp vừa và nhỏ với 4 phiên bản đáp ứng cho các loại hình doanh nghiệp: dịch vụ, thương mại, xây lắp, sản xuất.
- Thông tin về giá cả: Giá phần mềm kế toán FAST Accounting 10.0 dành cho loại hình doanh nghiệp thương mại là: 8.000.000 đồng.
- Thông tin đơn vị cung cấp phần mềm: Công ty cổ phần phần mềm quản lý doanh nghiệp FAST. Liên hệ: [www.fast.com.vn](http://www.fast.com.vn)

### 3.5. Điều kiện để thực hiện các giải pháp

#### 3.5.1. Về phía nhà nước

- Tạo điều kiện để cho các tổ chức cá nhân kinh doanh một cách hợp pháp và thuận lợi thông qua việc hạn chế các thủ tục hành chính phức tạp không cần thiết.



- Xây dựng hệ thống pháp luật đầy đủ, rõ ràng, mang tính bắt buộc cao, tính pháp quy chặt chẽ, có chính sách khen thưởng đối với doanh nghiệp làm tốt và có biện pháp xử lý đối với doanh nghiệp vi phạm.
- Luôn luôn khuyến khích các doanh nghiệp không ngừng cải cách, đổi mới và phát triển toàn diện hơn.

### **3.5.2. Về phía doanh nghiệp**

- Công ty phải có khả năng tài chính và phải đầu tư trang thiết bị, máy móc, khoa học công nghệ phục vụ công tác kế toán.
- Ban lãnh đạo công ty phải kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ công tác kế toán. Bên cạnh đó, đội ngũ cán bộ kế toán phải là người có trách nhiệm, có đạo đức nghề nghiệp.
- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về quản lý tài chính.
- Trong việc quản lý và sử dụng tiền vốn thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí.
- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về quản lý tài chính.
- Lãnh đạo công ty phải quan tâm hơn đến việc đào tạo cán bộ, nâng cao
- Trình độ chuyên môn của các nhân viên kế toán.
- Cán bộ quản lý phải nắm vững và tổ chức việc thực hiện chính sách
- Chế độ kế toán hiện hành, thường xuyên cập nhật áp dụng chính sách thông ty mới do Bộ tài chính bổ sung và hoàn thiện.
- Phân công trách nhiệm giữa các cán bộ nhân viên kế toán một cách hợp lý, đồng thời xác định mối quan hệ giữa các kế toán cùng phần hành và giữa các phần hành với nhau trong việc sử dụng chứng từ, hoàn chuyển chứng từ, cung cấp số liệu và đối chiếu kiểm tra.

## KẾT LUẬN

Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là bộ phận quan trọng khi tiến hành hạch toán kế toán. Số liệu chính xác và trung thực từ việc xác định doanh thu, chi phí qua hoạt động kinh doanh sẽ tạo điều kiện cho Ban Giám đốc Công ty đưa ra những quyết định, phương hướng hoạt động của Công ty trong thời gian tới.

Khóa luận của em với đề tài: “Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần đầu tư thương mại Vĩnh Thịnh” đã đề cập đến những vấn đề sau:

*Về mặt lý luận:* Nêu được những lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp.

*Về mặt thực tế:* Khóa luận đã phản ánh khá đầy đủ về thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần đầu tư thương mại Vĩnh Thịnh năm 2015.

*Về giải pháp:* Đối chiếu với lý luận và tính hình thực tế tại công ty, Khóa luận đã đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần đầu tư thương mại Vĩnh Thịnh. Các kiến nghị đều dựa trên cơ sở lý luận, chế độ quy định, tình hình thực tế của công ty nên trong một chừng mực nào đó đều có tính khả thi với doanh nghiệp.

Do thời gian thực tập có hạn, khả năng còn hạn chế, trong khi đề tài thì khá rộng với nhiều vấn đề nên em không thể tránh khỏi những sai sót. Em rất mong nhận được sự góp ý, chỉ bảo của các thầy cô giáo.

Một lần nữa em xin gửi lời cảm ơn chân thành nhất đến Ban Giám đốc, các anh chị trong Phòng kế toán Công ty cổ phần đầu tư thương mại Vĩnh Thịnh đã cung cấp số liệu cho bài viết này của em. Đặc biệt, em xin gửi lời cảm ơn sâu sắc nhất đến thầy giáo hướng dẫn ThS. Nguyễn Đức Kiên – người đã trực tiếp chỉ bảo và hướng dẫn em trong suốt quá trình viết bài khóa luận này.

***Em xin chân thành cảm ơn!***

Hải Phòng, ngày 05 tháng 07 năm 2016

Sinh viên

Nguyễn Ngọc Uyên

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Gs.Ts Ngô Thế Chi - Tiến sĩ Trương Thị Thùy(2008), *Giáo Trình Kế toán tài chính*, NXB Tài chính, Hà Nội
2. Nguyễn Văn Nhiệm (2002), *379 Sơ đồ Hạch toán – Kế toán Doanh nghiệp*, NXB Thống Kê, Hà Nội
3. Tiến sĩ Phan Đức Dũng (2006), *Kế toán tài chính*, NXB Thống Kê, Hà Nội
4. Tiến sĩ Bùi Văn Dương (2007), *Kế toán tài chính*, NXB Thống Kê, Hà Nội.
5. Đặng Thị Loan, *Kế toán tài chính doanh nghiệp*, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội
6. *Chế độ kế toán doanh nghiệp (quyển 1 và 2)*, NXB Giao thông – Vận tải, thuộc Bộ Tài Chính, Hà Nội
7. *Khóa luận tốt nghiệp khóa trước.*
8. Và một số tài liệu sổ sách do Công ty cổ phần đầu tư thương mại Vĩnh Thịnh cung cấp.